

37

HOÀNG ĐẠO THÚY

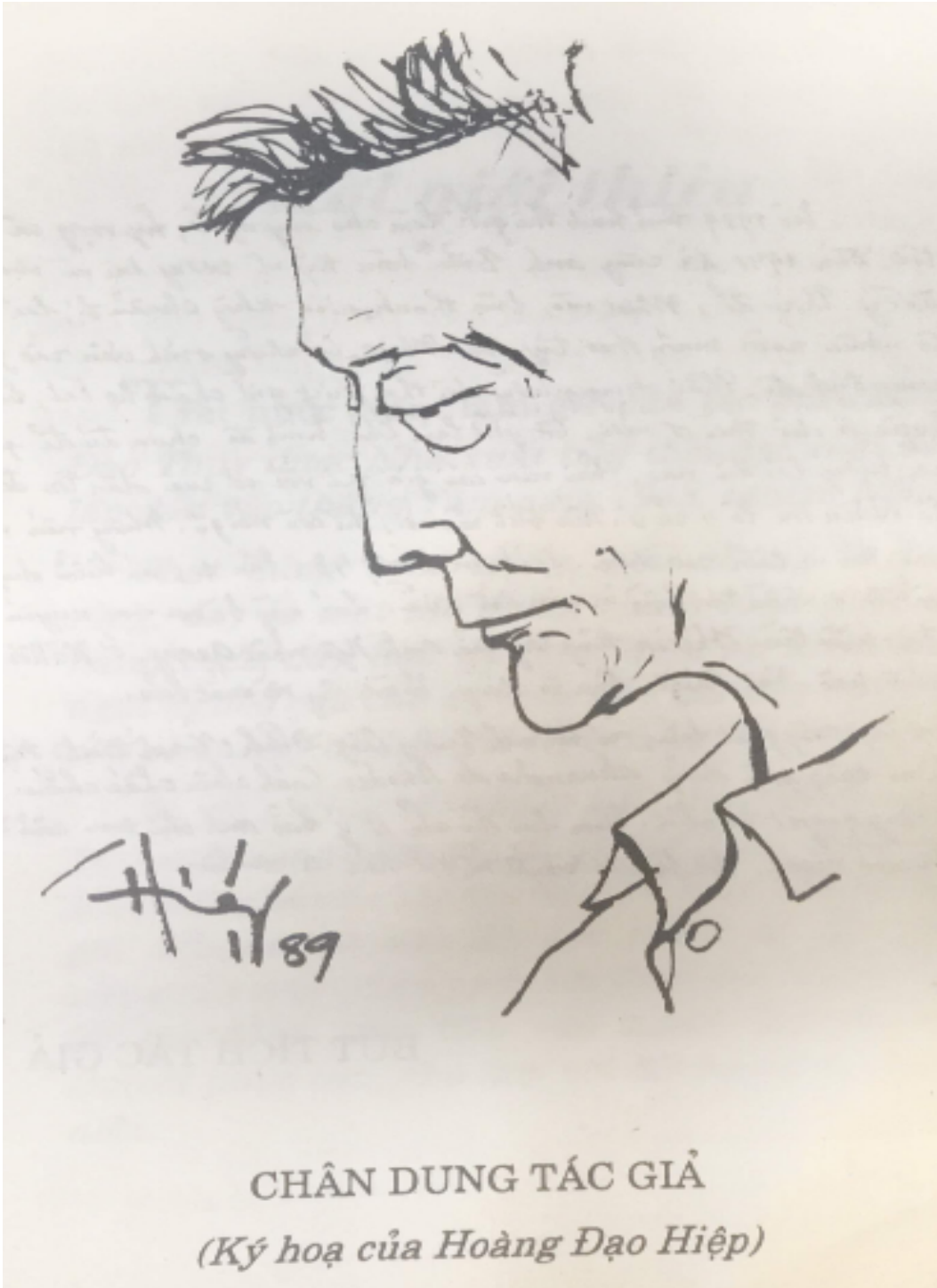


TRAI NƯỚC NAM
LÀM GÌ

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ?

Tác giả: Hoàng Đạo Thúy



Li 1939 tình hình thế giới làm cho suy nghĩ, hy vọng in tâm
tốt. Đến 1941 đã cùng anh Bửu* học kỹ về tương lai in cho học
đồng. Pháp to, Nhật vào, làm thành niên không chuẩn bị, lời có
Có nhiều người muốn theo tay theo Nhật. Các nước sinh viên rất giỏi
cũng định đi. Phải dùng những lời tha thiết giữ chân họ lại, bảo tập
huyền vì chữ thời cơ mới. Cốt giữ lại. Cho trình độ chưa tu đức phác
ra tương lai thế nào. Phải nêu các giá trị văn hóa của dân tộc để giữ
Cổ nhân thế là 11 cũ. Nếu biết rõ mới, thì còn nói gì. Nhưng nếu nói
mới thì in làm sao được. Sách in 8-1943, lần 1, nó kiếm duyệt,
cắt đi 1 phần thôi. Lần in sau cắt nữa. Lúc này bà con sao xuyên lỗ
in nhiều lần. Khế in đống tay của anh Ngô Nhật Quang. Ở Hà Nội bán
có 5 hào. Vào Saigon bán 50 đồng. Thành công về xuất bản.

Bạn Tây cũng ghét lắm, nó báo anh Nguyễn Công Đình (ở Huế Đình) đến học
tên nó tặng giấy thầy Alexandre de Rhodes. Cách chôn chặc chảm. Cho
cường quyết từ chối. Xem lại thì chỉ có ý báo anh chị em cần thận
trọng cách mạng. ~~Đã liệt kê các tác phẩm in và xuất bản~~

BÚT TÍCH TÁC GIẢ

LỜI GIỚI THIỆU

Trai nước nam làm gì? của tác giả Hoàng Đạo Thúy được Nhà xuất bản Thời Đại xuất bản lần đầu vào tháng Tám năm 1943, tại Hà Nội.

Thật đáng trân trọng, nếu chúng ta biết rằng đây là một tác phẩm chính luận được ấn hành cách đây hơn 50 năm dưới sự kiểm soát ngặt nghèo của chế độ thực dân mà đến nay vẫn còn phát huy những giá trị tích cực của nó.

So với những tác phẩm giáo dục thanh niên, **Trai nước Nam làm gì?** có những điểm chưa vừa ý do hạn chế của tác giả và điều kiện lịch sử bấy giờ. Nhưng bù vào đó, tác phẩm có sắc thái riêng của một nhân cách lớn được trình bày theo lối tác động trực tiếp vào người đọc với sức thuyết phục cao, phù hợp với đối tượng là thanh niên.

Với mục đích thiết thực, cụ thể, chỉ với hơn 100 trang, tác giả đã trình bày khá đầy đủ những vấn đề cốt lõi đối với thanh niên lúc bấy giờ: từ nhân cách con người, đến mục đích ý nghĩa của đời người; từ thái độ với tổ tiên, gia đình, làng xóm đến trách nhiệm với đất nước; từ việc rèn luyện bản thân, đến việc chọn nghề và học nghề để phục hưng đất nước... Tác phẩm thể hiện với lời lẽ vừa thiết tha nồng nhiệt vừa thiết thực gần gũi với thanh niên giúp họ áp dụng vào việc rèn luyện hàng ngày.

Nhân kỷ niệm một năm ngày mất của tác giả^(*), (1897 – 14.2.1994) chúng tôi tái bản cuốn sách để bạn đọc hiểu thêm về nhà văn hóa lớn Hoàng Đạo Thúy, đồng thời cũng là nhà Nho giáo rất mực yêu nước, yêu nghề.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc!

Hà Nội, tháng 1-1995

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

() Ông Hoàng Đạo Hùng, Trưởng nam của cụ Hoàng Đạo Thúy cho biết:
năm sinh thực của tác giả là 1897 (không rõ ngày) – HĐC.*

TÌNH THẾ BÂY GIỜ

Anh...

Tôi biết rằng tôi có thể nói thẳng với anh.

Hãy nói chuyện cũ. Chuyện mấy năm trước đây thôi.

Lúc bấy giờ trông xa thì thấy gì?

Bốn bề sóng cồn. Mà một khi làn nước phẳng lặng nó đã nổi dậy, sức mạnh không biết đến bực nào.

Văn minh vật chất chỉ mạnh nuôi cho lòng dục, mà lòng dục đã tha hồ tung hoành thì dẹp được nó không phải chuyện dễ.

Thế giới đã ốm rồi. Ốm tinh thần, mà cái xác lại nuôi rất đồ cao lương thì bệnh khó gỡ đây. Đã thế mà một trăm ông thầy thầy thuốc, ông nào cũng dao cầu cho sắc, viên thuốc cho to, ông nào cũng bốc những bài công phạt, ông nào cũng bỏ đạo vương mà dùng đạo bá cả, không để cho người ta tỉnh lại tinh thần, không để cho người ta hoàn hồn, mỗi ông cậy thuốc mình hay, hay hơn cả tạo vật, chữa không vì bệnh, chữa chỉ để sưng tay, không uống thì có lẽ đê xuống mà đổ thuốc vào họng.

Phen này nếu người ốm không chịu gắng gượng, tay chân không chống đỡ, để cho bọn lang băm nó làm liều thì nguy, phải nguy mất. *Nghĩ cho kỹ xem bệnh có những chứng gì?*

Một phần cậy có sức mới mẻ của mình tha hồ mà ước vọng, tha hồ mà bày vẽ, mong sao cái xác mình nó được thỏa đến cùng cực, mặc kệ tinh thần, mặc kệ tâm hồn. Thế rồi bày vẽ mãi, càng bày vẽ, cái xác càng ước vọng xa, vì lòng dục đã không bờ, đâm lao rồi đành theo, theo đến chết cũng không có ngại gì nữa. Tiền đã thành sức mạnh, tiền đã nêu cái lý lẽ vì nó mà sống thì ắt phải làm hết sức, bán hết sức cho ra tiền. Làm đã đành, nhưng mua cũng phải có khách chứ. Phải có khách mua mới được. Thiếu khách, đã vừa làm vừa mua mà dùng cũng không hết; sống để làm ra hàng rồi lại để dùng hàng, cũng chỉ tạm yên thôi. Dùng không hết, nó ùn lại, nó ứ tắc; làm sao cho máy vẫn chạy, tiền vẫn vào, vì thế lâm vào con đường luẩn quẩn, cái vòng khổ vậy bao nhiêu mạng người ở trong. Vì đó mà gạo nhiều

quá phải đổ xuống biển, hàng nhiều quá phải thiêu bớt đi. Chua chát ở cái chỗ: bên này thiếu, đổ đi, bên kia vẫn có kẻ đói, chết, kẻ túng thiếu.

Bọn làm ra hàng nhất định phải bán để ra khỏi vòng khổ, tất nhất định phải bắt người ta mua cho được.

.....
Thành ra nước sông đỏ không phải chỉ đỏ vì đất phù sa, hai mầm dịch tả người ta còn nuôi nó để dùng nữa.

Có một phần, cái óc sáng sủa qua một phen choáng váng, thành ra ngây ngất. Quên sức sống của mình nó vẫn thâm trầm, thấy người nhảy nhót, cũng nhảy nhót, cũng ồm nồm.

Quay cuồng cả, vì danh làm mê, vì lợi làm mê, vì của ngon vật lạ làm mê. Bệnh điên rồi. Điên thì biết còn giữ làm sao được.

Gốc bệnh chỉ là ở chỗ không giữ được bản tính người thôi.

Cái đức sáng đã mờ đi, lại không cố làm cho sáng cái đức sáng. Bệnh ở tâm, ở óc, lại bỏ ruột, bỏ dạ dày, bằng ăn, bằng chơi thì thể hư mất rồi. Ấy trông bề ngoài thì thế.

(*)

.....
...
.....
.....

Một số nhỏ tự phụ mình là thượng lưu, ăn dẫu không tất được no, nhưng mặc tất phải sang mới thích. Bọn này gần những người điên nên cũng điên. Những trò tầm thường ở nhà chớp bóng đã cho là hay, có ngờ đâu chỉ đủ nhồi vào mấy lỗ hồng trong óc. Thừa thời giờ, không muốn khổ về suy nghĩ, nhọc về học tập, thì quay, thì nhảy, vì học người thì môn này thật là tốn công ít nhất. Việc làm đã chỉ cho là một cách kiếm ăn thì kiếm ăn được rồi mà còn được chơi nữa, còn mong ước cao xa làm gì. Đã không ai để bận việc gì đến mình, có nhà không phải giữ, có con không phải dạy, còn mắt không phải để tâm đến, còn vạ gì kiếm cho ra việc, làm cho được việc, nghĩ đến người ở ngoài mình, lo đến việc ở ngoài mình. Đã lầm tưởng mùa may là hoạt động, kêu la là truyền bá, tổ chức là văn hóa, mơ màng là tư tưởng, thì rượu chưa say đã có thuốc phiện. Muốn an ủi cái sức vóc thôi, thì

đã có trường đen đỏ. Thế cũng xong, vì chết cũng là một cái xong. Ngoài như thế, trong như thế, khỏi làm sao người ta phải lo âu.

Trông thấy quanh mình như thế..... Vì cho rằng sức níu lại không có được, nên không khởi công níu lại. Ai cũng bảo thôi, muộn lắm rồi. Con đông đến. Nhiều tay tưởng rằng mạnh chèo chống, không chèo chống. Nhiều giá trị tưởng nhất định mà không nhất định. Bao nhiêu việc thay đổi. Bao nhiêu nổi thống khổ. Mà đã biết bao giờ thôi cho.

(*) Tất cả những dòng (.....) trong sách này đều do sở kiểm duyệt Pháp cắt bỏ đi khi sách in lần đầu, tháng 8 năm 1943. HDC

Bên kia phương Tây kia, chứ chẳng mấy người biết nghĩ ở bên ta, nhiều người tự hỏi rằng: đã lạc đường rồi ư? Đã điên thật à? Luân lý có lẽ là một giá trị, đạo đức có lẽ là một nhẽ sống. Vật chất làm nguy thật rồi.

Nước Pháp nguy. Thống chế Pétain⁽¹⁾ lập lại nền nước, đem những tùng trải, những suy xét của ngoài tám mươi tuổi mà làm việc, cũng nhận rằng: phải trả lại giá trị cho những giá trị cũ, giá trị lao động, gia đình nghiêm phép, tổ quốc thiêng liêng; không nói đến tiền, chỉ nói đạo đức; đừng vội chơi, hãy biết khổ.

Mà thống chế Pétain không phải là một mình, bao nhiêu người cũng thấy như thế.

.....

Thanh niên nước Nam, anh ạ, hãy thôi đừng chế bác những người mà anh vẫn cười rằng: “*ưu thời mãn thế*”, những người mà anh cho là kém vì chỗ không biết trẻ, biết vui.

Anh nghĩ xem, anh là một phần tử của nhà anh, của nước anh, một hy vọng của đời; nếu mặc đẹp, ăn ngon, uống rượu say, xem trò lạ, nghỉ mát cho thỏa, đánh bạc cho giết thời giờ thì anh hãy quẳng cái tập này đi, nếu anh cho thế là xong, ừ thì là xong.

Nhưng nếu anh có gan óc, có sức vóc, thì anh chưa cho thế là xong được. anh phải tìm lấy một con đường mà đi.

(1) Pétain: danh tướng Pháp; đã ký hòa ước với Hitler để tổ quốc khỏi bị tàn phá. Bị chính phủ kháng chiến kết án tử hình, nhưng miễn thi hành án vì tuổi cao; chết trong ngục. Sau đó đã được phục hồi danh dự.

TA PHẢI LẬP CHÍ

Anh phải lập chí, từ hôm nay, từ giờ này mới được.

Anh thường phàn nàn về cái cũ, hương hỏa của cha ông để lại nhẹ nhàng quá. Ông cha ta chẳng để lại cho ta được cái gì mà mắt thấy được, thật đấy. Nhưng đem nhau tự đâu mà đến cõi đất này, chống phía Bắc, mở phía Nam, mỗi lần thắng đủ làm bát tử cho cả một bộ sử, bao nhiêu nước mắt, bao nhiêu máu vẩy ra rồi, cha ông ta để lại cho ta một cái hương hỏa vô cùng quý, đó là chí khí.

Ai dạy được ai cho có chí, nhưng biết rằng trong tâm hồn anh có sẵn mầm mống, nên gọi anh đó. Anh lập chí ngay để mà làm việc cho Tổ Quốc.

.....

Anh đợi thì rồi lại như những người mấy năm trước đã đợi, rồi thấy chậm mất rồi, vì không lần nào quyết làm cả. Cái cảnh vượt bụng thờ dài, nhìn trời mà than vãn, phỏng anh có chịu được không?

Nước nhà mong ở anh đấy, chờ đợi anh đấy.

Khi nói “anh” là nghĩ cả “chị” nữa

Trai anh hùng, gái cũng nữ anh hùng.

Gọi là anh thì vừa là không đúng, vừa tục. Khi kẻ vai vào công việc thì khăn yếm kém gì mày râu, mà trong nhà xiêu đổ thì chống đỡ, còn hỏi làm gì ai là bông tang ai là son phấn. Chém tướng phát cờ sao không phải công việc Bà Trưng, Bà Triệu, cương thường nặng gánh ai đã bằng Thị Thuần, Thị Kim.

Vì thế CHỊ không nên khư khư giữ hai chữ “giải phóng” của các bà đòi “quyền”. Ai có quyền, ai lung lạc, mà trong một bàn đường trường chia ngay ra làm hai phái giành nhau. Hãy chung vai mà cùng gánh vác trách nhiệm, mà khi đọc mấy trang giấy này nhớ cho rằng, anh đó mà cả chị đó.

‘Chí ta lập, cái chí ấy phải bền, phải mạnh’.

Thầy Không nói rằng: “giữa đám ba quân có thể cướp được chủ sụy, mà cái chí kẻ thất phu thì không cướp được”. Câu nói mạnh mẽ thay, chí

người ta có thể vững được đến thế.

Đẻ ra mà không có chí khí thì chết thôi. Nhưng đã nói rằng người nước Nam này ai cũng đã được ông cha để lại cho một cái khí nhiều hay ít rồi. Cái khí Văn Thiên Tường gọi là chính khí, dưới thì là sông núi, trên thì là nhật tinh nó đầy rẫy trời đất.

Nhân cái khí đã có thì không sợ gì nhụt, không sợ gì hèn. Thêm cái chí vào thì không sợ gì yếu gan, không sợ gì bỏ dở việc nữa. Hai thứ cùng luyện, luyện thành chí khí.

Chí khí là một cái sức mạnh rất lớn của tâm và của hồn. Người có chí khí lâm vào việc vẫn tỉnh táo, bạo, nhiệt thành, vẫn đủ sức chống chọi; vẫn đủ can đảm nhận công việc, cả quyết biết xấu hổ, không chịu nhục, có khí khái, giữ được phẩm cách con người. Người có chí theo được mãi một mục đích, gặp gian nan mà lòng không nản, trên đường xa gỏi không chồn, vững dạ bền gan, cái chết không dọa nổi.

Một người có chí khí là ông Thái Tổ nhà Lê. Làm một người cày ruộng mà không chịu ép mình, mười năm gian nan mà công việc làm đến được. Gương sáng của ta đó.

Có tài năng mà không có chí khí thì tài năng mà làm gì. Không có tài năng mà có chí khí thì rồi cũng có tài năng, cũng làm được. Bao nhiêu người thành công, xét đến gốc là nhờ có chí khí cả.

“Trời mới lạnh cỏ cây thường đã rụng lá. Tuyết xuống dày mà cây tùng cây bách vẫn xanh tươi. Tùng bách hơn các loài cây là thế”. Đó là lời thầy Khổng.

Chí khí ta quyết là đã có mầm rồi. Hãy bồi bổ lấy nó. Trong đám sùng kê, đàn nỏ, có cái thủ đoạn anh hùng trong chốc lát, việc vẫn có thể làm được. Nhưng chỗ vắng một mình, giữ được mình, sai được mình, nếu không có thì có khi phải hàng. ***‘Phải gắng gỏi ở lúc ngồi một mình ấy’***. Những việc nhỏ, cho là nhỏ không làm, những cái thắng nhỏ cho là nhỏ mà không thắng, thì làm việc lớn, thắng cuộc lớn sao được. Bởi thế mà mỗi phút, mỗi việc anh phải thắng cả mới được. Trời rét, dậy sớm đi tập thể dục, anh cũng cần có gan mới làm nổi. không đợi người đem nước đến, anh đi múc lấy nước lạnh, cũng phải có chí mới làm được.

Anh phải bắt, phải bó buộc, phải nghiêm, phải nghiêm với mình anh. Một ngày trăm trận, ở chỗ không người nào nhìn thấy anh, trận nào anh cũng thắng, ngày nay, ngày mai, ngày nào cũng thế, thế mãi, ấy cái cách luyện chí là thế.

Thấy kém, thấy yếu, biết là xấu; biết hổ thẹn, càng cố gắng, ấy cái cách nuôi khí ở cả đó.

Thanh gươm phải trăm lần rèn mới là quý. Nếu không mài không rũa, không thiết tha, thì luyện sao được một chí khí anh hùng, không có chí khí anh hùng thì mong sao làm mà chắc được.

Trên kia đã nói, anh mang sẵn trong tâm hồn cái mầm chí khí, của bao đấng tổ tiên để lại. Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh. Vậy anh đọc sử nước nhà, thấy anh giống ai?

TA GIỐNG AI?

Anh giống Lê Phán Quan.

Phán Quan tình nguyện theo Lê Thái Tổ, trong mười năm, bầy mưu mô trong trướng, xông tên đạn trên chiến trường, sinh tử bao phen, đến lúc thành công, một khăn gói trên vai, nhẹ bước ra đi, coi công danh như rom rác; đi rồi, không còn đến đến tên tuổi lại nữa. Phán Quan là chức việc của ông. Lê là họ vua ban cho. Chứ có ai biết ông ấy là người nào đâu. Ấy thanh cao thì anh giống Lê Phán Quan.

Anh giống Triệu Vua Bà.

Làm thân gái trong khi nước có nạn lớn, không chịu ần mình sau vuông yếm, chiếc khăn. Vua Bà chiêu mộ hào kiệt, trong ngàn tây dựng cờ vàng, ngồi đầu tượng, trăm phen ác chiến. Bây giờ theo đường thiên lý, anh ruổi xe, còn mười dặm nữa đến Thanh, bên tay phải, trên đỉnh Tượng sơn, một cái nắm nhỏ, làm cho anh máu bồng bột trong tim. Anh giống ai? Giống Triệu Vua Bà chắc hẳn.

Anh giống Lê Thái Tổ

Dân áo vải, khăn ruộng hoang, cũng không chịu an thân làm ông trưởng giả. Lê Thái Tổ húy Ly, coi việc thiên hạ là việc mình. Giàu sang mời không đủ dử ông, gian nan khổ không nạt được ông; mười năm nằm gai nếm mật, lương cạn ở Chí Linh, quân tan ở Côi huyện, chui trong bụi

rậm mà còn có gan chùi lưỡi giáo của quân thù, mất cả vợ con mà vẫn không nhụt chí, chẳng đội gùi cùng giặc cướp. Cái chí ấy mới thắng được trận ở Mã Yên, cái chí ấy mới đuổi được quân Ngô ra ngoài cõi. Cái chí Bà Triệu, cái chí vua Lê, phải không vẫn là chí của anh. Anh giống Lê Thái Tổ nhà Lê.

Anh giống vua tôi nhà Trần.

Mười lăm tuổi lấy việc không được đầu quân làm xấu hổ, anh giống Trần Quốc Toản; dưới lưỡi đao hành hình, không thềm làm Bắc Vương, anh giống Bình Trọng Trần tướng quân. Trúng chọi với đá không ngại ngừng, đem một tốp quân cha con anh em chống với năm mươi vạn quân Mông Cổ đã rong ruổi từ Á sang Âu, chữ “Sát Thát” thích vào tay, lời thề trên sông Hóa; anh đọc sử đến đây phải ca, phải khóc, phải lấy làm vẻ vang, phải có được hy vọng ở cái khí của dân ta. Bảy trăm năm là bây giờ, anh vẫn thấy rằng anh là dòng dõi, anh giống Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

Võ Tánh, Lê Trạc, Roãn Chi...

Võ Tánh tự đốt ở Bình Định. Lê Trạc tự chôn ở Cao Bằng. Roãn Chi tử trận ở Phú Bình. Bảy nhiều con người thề cùng thành cùng sống thác. Một vùng chính khí, gậy từ sông núi này. Anh thấy anh cũng có thể có gan ấy, cũng nhận được trách nhiệm ấy.

Anh giống ai? Giống ông Văn Trinh.

Lấy một thầy đồ kiết mà nộp sớ xin chém bảy nịnh thần, ông Chu Văn An sợ gì một cái chết. Trong thời suy đồi, làm Thái Sơn cho bọn học giả theo, làm cái mốc đá cho sĩ phu bước đến, ông nhận lấy chức trách đó của người quân tử, để vững cho lễ nghĩa. Phải không, ông Chu Văn An vẫn là thầy anh.

Anh giống Phạm Tử Nghi.

Đi qua bên đò Niệm Hải Phòng, anh cũng thấy nức lòng, anh cũng muốn tập luyện, anh cũng muốn có cái thần dũng của tráng sĩ thời Lê Mạc.

Từ ông Lê Như Học đi sứ nước người mà lặn lội để đem nghề in về, cho đến ông Nguyễn Tri Phương bôn ba ở Lữ Tống mà dò xét công việc ngoài, ông Nguyễn Công Trứ mang hết tài thao lược vào một doanh điền.

Tổ tiên ta “lập công” là thế. Bản in làng Liễu Tràng, bèn giàu văn hóa ta, ruộng huyện Tiên Hải, đầy kho đụn ta, đó là những việc anh thế nào cũng muốn làm đấy chứ?

Anh làm như ai? Làm như Phạm Ngũ Lão?

Nhà nghèo mà không ngại, mồ côi mà không lo, đường rấn rết, không quản sang Lào, có tài tướng sùỵ mà làm kẻ chặn voi chặn ngựa; ngồi đan sọt bên đường cái quan, vẫn không được bằng người đỗ tiến sĩ lấy làm xấu hổ, võ muốn hơn bằng bói thì tập nhảy tập đánh, không sợ ai chê cười.

Người đáng làm kiêu mẫu cho ta là Phạm Ngũ Lão tướng quân đó.

Chịu được nghèo, chịu được nhọc, chịu tập thân thể, thích văn chương, biết xấu hổ mà lại nhũn nhặn, làm việc lớn mà vẫn thương người. Gương của thanh niên ta còn tìm đâu xa nữa.

Một cái trên này nhắc đến luôn là “biết xấu hổ”. Thày Khổng bảo rằng: Biết xấu hổ là gần được bậc dũng”.

Phải nhũn nhặn mới biết được chỗ chưa bằng người, mới biết được thế nào là nhục. Biết nhục mới có đủ sức mạnh để làm. Xấu hổ là cái sức nóng để nung nấu “chí”.

PHẢI NHỚ GỐC

Cột phải nhớ cái gốc đã.

Cây không rễ phải đổ, nhà không nền thì lung lay. Chập chờn trên mặt nước là thân phận cây bèo. Đá rấn cũng ăn vào cho được là sức mạnh của cây tùng cây bách.

Ngắm người, nghĩ mình, tang thương của nòi giống, xa có người da đỏ, gần có người Hời.

Nói về nền văn hóa thì có văn hóa giống ở nhà, văn hóa giống ở lều. Người Mông Cổ và người da đỏ là giống ở lều. Kẻ ở lều mà như người da đỏ thật là đã đến một bậc cao lắm.

Người da đỏ đất cát bị người Anh, người Y Pha Nho chiếm mất nhiều, phải lui vào ở một cõi nhỏ. Ấy thế mà chưa qua một thế kỷ, giống ấy

đã hầu như không còn nữa, không phải rằng chỗ đất người Mỹ để dành cho không đủ để sống; cái mòn mỏi là ở chỗ không tin rằng còn có thể ở lều được nữa, thi nhau sống lối Mỹ, mặc đồ Mỹ; đến rượu mạnh của Mỹ vào thì thật tan nát hết. Bây giờ có gặp người da đỏ, họa chăng ở một vài xóm cùng, trong mấy nhà xiếc, làm trò cưỡi ngựa, bắn súng cho người ta xem với mấy bộ mũ lông chim phượng hoàng làm bằng giấy.

Gần ta thì có người Hời

Ngoài những nông nổi thường của người sống cạnh kẻ thắng mình thì người Nam đối với người Hời cũng không thấy ai kể lại hay ghi chép những cung cách gì làm quá lắm.

Thế mà, ngày nào song thời nội thuộc Tàu, thành Long Biên chạy toán loạn về giặc Lâm-Áp.

Cũng ngày nào kinh thành Thăng Long, trẻ dắt già, mẹ bồng con chạy loạn Chiêm-Thành, cả vua lẫn quan bỏ kinh đô mà sang ẩn bên Bò Đè.

Ba trăm năm chưa qua hết.

Mà ngày nay, muốn tìm người Hời, đến tận mấy cái tháp chơ vơ trên đỉnh đồi, hay mò vào những vùng núi sâu cũng không thấy. Có còn chăng nữa chỉ có vài làng ở cồn cát Phan Rang với mấy xóm thưa thớt trong Nam Kỳ, thế thôi. Mà người Hời, nào có phải là mấy ông súng sính áo thụng, mấy bà múa may đồng cốt mà người ta vẫn bày ra trong bộ “nhân chủng” không? Có phải là những bà già len lét sau một bụi cây rậm, khăn trùm đầu lê thê, tóc sỏa như mấy mục khóc thảm thiết trong một đám ma to nào ấy. Mà không biết là có phải người Hời không, mấy lớp da ngăm ngăm đen, vớ đầu được đạo Hời – hời, vẫn gặp ở lục tỉnh.

Khó nhọc tìm dòng dõi những vua oanh liệt như Khu – Liên, như Chế - Bồng – Nga, thì chỉ thấy một người đàn bà say dí dị, hay tỉnh khóc tỉ tê bên bờ giếng.

Cơn có đâu mà đến nông nổi này.....

Kể từ khi những người phiêu lưu từ Mã Lai vượt bể, đến chia nhau rải rác mà ở, từ Hoàn Sơn trở về Nam, lập nước cũng đã vài ngàn năm rồi.

Dù khi gậy dựng chưa được bền, bị nhà Tần, nhà Hán(đời Triệu ta) đến chiếm, cho một quận Tượng với nước ta cũng chỉ làm một Giao châu.

Nhưng trong vài trăm năm, Khu Liên đã nổi lên, giết hết bọn thú linh lâu, dựng nên nước Lâm Ấp.

Rồi từ đó, một nước thênh thang, dẫu có lúc hòa, lúc phải cống An Nam cũng làm nhưng vẫn nghênh ngang trên bờ cõi, ai cũng phải gòม phải nể.

Không chịu ở yên với dãy núi, lắm lúc cũng ra cướp miền Hoan, Ái(Nghệ, Thanh), vết chân voi cơ hồ không sức nào giữ được mãi.

Cái nghề phong lưu sinh tộ, thanh sắc dâm mê.

.....
...
.....
...

Mà cách thờ cúng xa hoa, mê tín hão huyền, mười pho tượng bằng vàng chỉ tổ làm cho người ngoài dòm nom.

Kinh đô từ Phật thệ đã lùi vào Trà Kiệu.

Năm lịch tây 1067, mất đất đến Hà Tĩnh.

1307, vì ngòm ngôi một nàng công chúa cành vàng lá ngọc mà Chế Mân nhắm mắt dâng đến ba châu cho Thuận Hóa.

Kinh đô lại lùi vào đến Chà Bàn.

.....
Chế Bồng Nga (1366) gọi tỉnh cả nước, đem binh tướng rong ruổi. Cha con nhà Trần phải bỏ Thăng Long đến mấy lần. Không ngờ một tay phản quốc đưa vị anh hùng như thế đến trước mũi tên của Trần Khắc Chân, để kết quả, rất đổi thảm thương, một đời oanh liệt.

.....
1402, nhà Hồ lấy đến Quảng Nam.

Chà Bàn, kinh kỳ của Chế Bồng Nga bị Lê Thánh Tôn hạ (1470) . Kinh đô cuối cùng của Chiêm Thành bị phá.

Từ đây trở đi, mất tỉnh này, mất tỉnh khác, chỉ là một cái dĩ nhiên thôi. Chúa Nguyễn Phúc Tần lấy Khánh Hòa. Năm 1697 chúa Phúc Chu lấy

Phan Rang, Phan Ri.

Nước Chiêm Thành hết đất, cái này không can hệ gì mấy, nếu người Chiêm Thành còn. Nhưng mà đau đớn nhất là người Chiêm Thành không còn nữa.

.....

.....

.....

Người Chiêm Thành hiện nay tự sáu bảy triệu người đã chỉ thú nhận có vài nghìn, mà trong vài nghìn ấy, gốc tích tổ tiên không còn nhớ gì. Không tự cho mình là những người có một giá trị chẳng kém gì ai, không tin rằng mình làm việc cũng có thể như người ta hay hơn người ta được, mà chỉ cho như người ta mới là đẹp là hay, là phải, thế thì không biết có còn mong mỗi được gì không.

Đó, trong rất nhiều, chỉ vài cái gương đó cũng làm cho chúng ta rõ rằng quên gốc là nguy hiểm.

TỔ TIÊN TA

Hãy nhìn rõ cái cội gốc của ta.

Xa xôi thì lấy người từ dân nước Việt

Trả thù được Ngô hung, rồi lại bị Sở tàn... Không chịu hàng Sở, dắt díu nhau về Nam, bao nhiêu quan san, bao nhiêu đời, lặn ngòi nơi nước mới đến được đất này mà đặt làng, đắp thành, nuôi người sống, chôn người chết, xây được tôn miếu, dựng lại kỷ cương.

Gần mà còn thấy rõ, thấy lảng thấy miếu, thì cha rông mẹ tiên còn bao nhiêu di tích trên ngọn núi Cổ Tích ở Phú Thọ.

Đứng trên núi mà ngắm, thì rõ ràng như vẽ: một bên Tản, một bên Đảo, sông Lu, sông Đà, sông Thao(Nhị Hà), ba con sông rót vào một bãi lớn, làng Bạch Hạc, Kinh đô cổ Phong Châu của nước Văn Lang ta xưa. Lưng dựa non cao, mặt ra đất rộng, mỗi ngày ăn vào bể lớn. Rõ ràng quy mô một nước lâu dài. Cả núi lẫn bể, một trăm con giai thật là biểu hiện một nòi giống càng ngày càng sinh sôi nảy nở mãi mãi.

Tổ tiên ta là những người vừa rào bên tả, mở bên hữu, vừa gây dựng cho nước một thể thống, một văn hóa đặc biệt.

Nho giáo đã nhuần thấm vào trăm họ, từ dân đen cho đến người tuần sĩ, đã rèn nên một mẫu người Nam Việt, một lối sinh hoạt Nam Việt, một văn hiến Nam Việt.

Một lạ rằng: Nho thịnh từ Tàu mà những người đã ở lâu đất Tàu lấy làm quái rằng dân gian Tàu chăm ở làm, còn chậm biết lễ hơn người mình mà dẫu đến cùng đỉnh cũng biết thờ tự tiên tổ.

Đã được cái chí của ông cha vất vả gian nan để lại, lại vì đất nước khó làm, vì những nỗi gian truân của lịch sử mà vẫn giữ được cái khí mạnh mẽ nữa. Ấy từ đó mà phát sinh ra những cái cử động oanh liệt như đời Lý, đời Trần, đời Quang Trung, đời đầu Nguyễn.

Với chí ấy, với khí ấy, với đức nhẫn nại cần cù của dân ta, thật có thể mong mỗi được. Có người vì long rể một lúc dám nói to lên rằng: “Tôi không được nhờ gì cha tôi”. Vậy mà con người ấy đi trên đường vẫn giữ

được lễ độ, về đến nhà vẫn giữ được tôn ty, lúc làm việc vẫn trọn được liêm sỉ. Ta có muốn, ta không muốn, ta cũng vẫn được những di truyền quý hóa ấy, làm cho ta không đến nỗi phải nản vì gốc cũ dễ nảy mầm mà hạt mới khó nảy quá.

TÔN GIÁO TA

Có người luẩn quẩn vì nghĩ hai chữ tôn giáo nào tưởng rằng mình không làm như thế nọ không làm như thế kia, thì mình không có tôn giáo.

Mình vẫn có một tôn giáo, mình vẫn có một phép thờ cúng.

Nho giáo dạy người, vẫn bảo theo một đạo. Đạo ấy suốt từ dưới đến trên, đạo giới, lòng người vẫn là một cả. Từ thái cực sinh ra trời đất, muôn loài, đều một phép tắc, một lý.

Nho giáo không phải của một phái, một hạng người, của một người. Nho giáo bắt đầu từ lúc người ta hợp thành đoàn, thành nước, trải hai đời đế, ba đời vương, thể lòng trời mà đặt ra phép tắc, làm cho thiên hạ thịnh trị, một thời đại đồng.

Đến cuối Chu, đạo đã suy, người đã bạc, Khổng Tử mới thu nhặt các phép cũ mà để lại cho đời sau.

Trong một quãng khá lâu, nhiều người không thấy sách chữ Nho còn đem lại được com áo nữa, thì bỏ hẳn, đến nỗi không còn tin ở nho nữa. Những người để ra ít lâu sau thì dù vẫn sống theo nho mà không còn biết nho là gì. Có kẻ hỏi thế nho có cho là có giới không?

Khổng Tử chép Kinh thi rằng: “Đức Thượng đế chí nhân vô tư”, “thường cúi xuống xem xét bốn phương, xem dân có sao thì cứu giúp”. Khổng Tử lại nói: “ta tuổi năm mươi mà biết mệnh trời”.

Không những tin có giới, ngài lại cầu giới nữa. Khi ngài yếu, học trò muốn cầu cúng, hỏi ngày, ngài bảo: “ta cầu đã từ lâu rồi”. Cầu nguyện, ý Khổng Tử là xin trời lấy sức mà làm điều lành, tránh điều dữ, thế thôi.

Thờ cúng thế nào? Đạo nho là đạo làm người, đạo là đường, đường đi để đến chỗ rất thiện, cho nên không nói những sự huyền bí, huyền hoặc, mê tín, nên nói rằng: “Quý thần như ở trên đầu, như ở tả hữu ta, kính mà xa đấy”. Xa để không kêu nài trời, xa để không cúng những chỗ không nên

cúng, không “siểm nịnh” quỷ thần, chỉ cho làm được nên người, ở đúng đạo giới là hơn cả.

Bậc cầm quyền trị nước là chịu mệnh trời, chấn dân trời thì thay dân mà tế trời. Dân thì tế tổ tiên, cha mẹ, do tổ tiên trời sinh ra mà kính trời.

Trong tôn giáo thường thì nói: “bản phận cốt yếu của người ta là tỏ công đức trời”.

Nho giáo thì nói:” bản phận cốt yếu của người ta là sống ra người con có hiếu, người dân tốt”.

Không đem một kiếp sau, đẹp đẽ, không đem một cuộc sống sau này ở một nơi khác sung sướng hơn mà hẹn với người, nhà nho chỉ bảo rằng: giới sinh ra người ở đời, hãy lo sao cho trọn đạo làm người, giúp được cho đời; rồi đến lúc chết, hai tay buông xuôi, coi như là về, là nghỉ, cái xác nó là đất bụi lại cho về đất bụi, cái hồn thiêng liêng vốn là một phần chính khí, ở giữa quăng sông núi và nhật linh, cứ sống mãi. Ấy là cái chết thường. Gặp khi phải đem tính mạng mà cân cùng đạo nghĩa, thì có thể “thung dung tựu nghĩa” chẳng ngần ngại chút nào. Sống có phép, chết cũng có phép. Sống thì cẩn thận từng ly từng tý, sao cho cái thân của cha mẹ để lại không vì tai nạn hay vì bệnh hoạn mà hủy thương đi được. Không phải nghĩa mà chết, chết nặng như núi Thái Sơn, nhưng phải nghĩa mà chết thì ung dung đi đến, coi mạng mình nhẹ như lông chim hồng.

Khi thiên hạ vô sự yên vui thì mấy người hỏi đến tôn giáo. Nhưng lúc rối loạn chiến tranh hay những lúc nghĩ đến cái đời người ngắn ngủi vô định, thì người ta hoặc tìm đến triết học hay tôn giáo, muốn tìm một chỗ trú thân một cách bền lâu.

Nho giáo không dùng cách mê tín, không nói chuyện phi thường mà làm cho người vững lòng. Nho giáo cũng là một tôn giáo ở nghĩa rộng, tôn giáo gia đình, quốc gia và thiên hạ.

Nhà nho ở trong gia đình thì thờ cha mẹ, thờ bậc trưởng thượng, cúng lễ tổ tiên. Bàn thờ gia tiên là để chứng rằng trong gia đình tổ tiên vẫn có đó, là điều hay, làm vinh diệu cho tổ tiên mà muốn làm; sắp làm điều dở, sợ điểm nhục đến tổ tiên mà không dám làm. “Trong ba điều bất hiếu, không có con là nặng hơn hết”. Vì thế mà họ đang được sinh sôi nảy nở, dòng dõi được vững bền.

Cái gia đình dòng dõi vững bền thì quốc gia được lâu dài, xã hội bền vững.

Đối với quốc gia thì cái “danh phận đại nghĩa” của Xuân Thu dạy người lấy lòng trung thành. Cầu tôi trung tất ở nhà người con hiếu. Gia đình với tổ quốc liên lạc là ở đó. Ở nhà, con trung thành với cha, vợ trung thành với chồng, ra ngoài nước dân trung thành với bậc chủ tể của nước. Nước vì nhà mà bền, nhà vì nước mà được bền, dòng giống đời đời truyền mãi. Thế thì cái cảm tưởng vĩnh viễn có thể ra sự thực ở ngay đời này rồi.

Tôn giáo bền vững là nhờ có giáo đường, giáo đường của nhà nho là học đường, là gia đình.

Thời Khổng Tử ở Văn Miếu toàn quốc hay ở các tỉnh, là thờ một ông thầy, kính lễ ông thầy. Ở các làng, tổng hay phủ huyện, Văn Chỉ là thờ các tiên hiền của mọi nơi. Ở những chỗ ấy thờ là để tỏ lòng kính không phải thờ để kêu cầu.

Giáo đường của đạo nho quả là học đường.

Ở học đường không có bàn thờ như một cửa hàng có thánh sư. Thầy đồ đó tức là một giáo sĩ, có một đời đạo đức, nói lời thánh hiền, học trò tôn như vua, như cha. Dạy thì thầy bắt đầu từ việc lau quét, thưa gửi, đi đứng, lên lui biết lễ rồi sau mới biết văn; trọng nhất là đào tạo nên một nhân cách đã. Học cho đến sáu nghệ Khổng Tử dạy như: lễ, nhạc, bắn, cưỡi xe, chữ, tính toán, cũng vẫn là để giúp vào nhân cách; lễ cho biết cách ăn ở, nhạc cho biết cách trật tự, bắn cho chính tâm, cưỡi xe cho biết rong ruổi, lui tới, đi ngay, đi rẽ, chữ viết cho nghiêm chỉnh, tính toán cho biết lo toan. Khi lớn lên vào bậc đại học thì lo cho hiểu biết sự vật, rõ thế nào là biết, thực ý, không tự dối mình, dối người, chính tâm cho chí ngay ngắn, sửa mình, rồi đến sửa việc nhà, trị việc nước, làm việc thiên hạ.

Thầy ở trên cao, nói với học trò một câu nhưng lo xem có hợp với nhân với nghĩa. Trò ra đời cư xử chỉ lo sao khỏi phạm vào “danh giáo”, cho khỏi thầy quở mắng đuổi ra khỏi trường.

Đạo là đường. Trên con đường đi để đến bậc “quân tử”, trò theo thầy, không làm việc gì mà không kính.

Trong nho giáo, giáo là dạy. Một tôn giáo cốt dạy người làm người thì giáo đường là học đường là phải lắm.

Từ giã học đường về gia đình, người học trò bước vào cái giáo đường thứ hai của nhà nho vậy. Con trai lấy vợ là làm một lễ rất lớn. Một lễ chứ không phải việc thường. Con gái lấy chồng không những là lấy chồng, lại nhận giang sơn nhà chồng, nối dõi tông đường nhà chồng, vì vậy mà chưa “kiến miếu”, chưa yết trước bàn thờ tổ tiên nhà chồng thì lễ chưa thành. Cưới không phải việc riêng của mình, đó là việc của cả gia đình, từ tổ tiên trước kia, bà con hiện tại với con cháu sinh ra sau này là có dự vào cả đấy. Lại có lễ giao bái. Chồng lạy vợ để tỏ lòng kính người giúp mình mà thờ phụng tổ tiên, hầu hạ cha mẹ, sinh con đẻ cái; vợ lạy chồng để kính người phu chúa của mình. Chỗ này vẫn để ý hết sức đến chữ “kính”.

Có con cái là việc mong mỏi. Khi thai dựng là việc can hệ; người đàn bà lo lắng ngồi không dám lệch, ăn không dám càn, tai không nghe tiếng tục, mắt không nhìn việc tục. Dạy con muốn từ thuở trong thai như các bậc phi hậu xưa kia.

Cha mẹ dạy con thì lo con theo những gương xằng bậy, cho nên giữ gìn tự mình để làm kiểu mẫu cho con. Một câu nói một việc làm cũng sợ làm hư con.

Những ngày kỵ lạp, thờ cúng cho đủ lễ, cho con dự vào hết, để cho con biết rõ cái lễ trước sau.

Nuôi nấng dạy bảo khi còn nhỏ là công việc mẹ. Hơi lớn lên là công việc thầy. Lớn rồi, gia đình cùng trường học cùng đào tạo nên con người không phải là dễ. Thế mà lúc có nạn nước, lúc có thù nhà, cha trao gươm cho con, mẹ khắc chữ vào vai con, cho con lên đường, cho con biết con không những là người của một gia đình thôi.

“Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”. Không có con là tội bất hiếu to nhất. Câu này làm bền vững giống nòi đó.

Từ nhà bước ra xã hội, cái giáo đường thứ ba của nho giáo, nhà nho vừa vỡ lòng đã học rằng: “người mới sinh, tính vốn lành”. Hóa ra với cái lòng “nhân”, cái lòng yêu người, mong hiểu người như mình, người ta không ngờ nhau, không sợ nhau xâm lấn, cho dân gian có thể sống một đời giản dị yên vui được.

Cái đặc điểm ấy làm cho người ta hy vọng rằng nho giáo có thể mang lại hòa mình, hòa bình thực cho xã hội này.

Đấy, ta có một tôn giáo hợp với lòng trời, hợp với bụng người. Không trái với khoa học, vừa hợp được trí khôn, vừa hợp tâm lý, đủ cả ý nghĩa bền vững, vì trước khi lo đến một kiếp vị lai đã lo được cho nòi giống mình, nước mình bền, mà không có những chuyện phi thường của nhiều tôn giáo khác.

Ta xa, là xa chữ nghĩa chớ ta vẫn gần đạo. Nếu ta bước mạnh lên con đường của ta thì tương lai ta chắc là chóng thấy đẹp đẽ.

NHÀ TA

Gia đình

Nhiều lúc bực mình người ta vẫn nói: gia đình, cái nợ. Có người lại hăm hè mà phá gia đình nữa. Kẻ phá, người theo. Vì mắc vào một cảnh gia đình mà mình không biết gỡ thế nào.

Nhưng gia đình là gốc của loài người. Có thể sống làm sao được nếu không có quá khứ, không có tương lai. Tổ tiên là quá khứ. Tương lai là con cháu.

Đang lúc khí huyết còn khỏe, hình như mình sống không cần gì ai nữa. Nhưng cũng đã không có khuôn phép nào kiềm chế thì mình không còn cái gì phải kính, không bó buộc mà theo một con đường được. Đang lúc khỏe mạnh không nghĩ đến con cái, nhưng trong khoảng năm sáu mươi tuổi thấy cái đời mình nó gần hết, hiu quạnh quá, hết rồi và hết hẳn, ít người chịu được nỗi ấy, mà bấy lâu mới nghĩ đến vợ con thì chỉ còn làm được những việc kỳ quái, ngoài thiên nhiên thôi.

Lại cũng không đợi đến lúc già. Người không có con như cây khô không lộc. Đến một thời kỳ mà trai không vợ, gái không chồng, sinh ra ác tính, ích kỷ. Đến nỗi ấy vì cái lúc có thể có con cái, đời mình không có một nụ cười của trẻ thơ. Đừng tưởng trẻ con nó chỉ quấy mình thôi. Bé học cha mẹ, lớn học thầy, nhưng ông thầy cuối cùng dạy cho mình biết yêu, biết trách nhiệm, phải làm những gương tốt, **là con mình đó**.

Nhờ có bàn thờ tổ tiên, mình thờ người mất như người còn. Tổ tiên hình như lúc nào cũng chứng kiến các công việc của con cháu, làm cho con

cháu hiểu rằng, mình nhận một trách nhiệm của tổ tiên, trách nhiệm ấy mình phải truyền lại cho con cháu. Với người trước mình, với người sau mình, có một sự liên lạc mật thiết. Thử tưởng tượng xem một người không làm nên tội gì mà lại có cùng họ với Hồ Quý Ly, với Mạc Đăng Dung, cực biết chừng nào. Cái tên họ, cái gia thanh bao nhiêu đời đã truyền lại cho đời sau nó vẫn trong sạch như xưa. Vì vậy mà không dám làm càn. Không có gì chua xót bằng... người ta đăng tên họ dưới một cái hiệu rất xấu xa.

Thế thì làm sao mà ghét gia đình.

Đạo đức cũ đã mất, đạo đức mới, nếu có thể gọi thế được, chưa có. Trong nhà chỉ có cái hình thức mà mất tinh thần rồi. Không còn tinh thần thì hình thức chỉ là một cái khó chịu, một cái ràng buộc. Bậc bố mẹ mình khi nhỏ có được biết khuôn phép cũ, sau vì thấy nó không thiêng nữa, không đem lại danh lợi lại được nữa, đã nhãng bỏ nó mà cư xử như những người khác, và không dạy con theo phép tắc cũ nữa. Bây giờ các cụ có tuổi, biết cái nhảm của mình, muốn trở lại nền nếp cũ thì các cụ nhớ nhiều nhất là các hình thức cũ. Mình là con đã không chịu giáo dục cũ, làm gì có tinh thần cũ mà lại phải theo hình thức ngặt nghèo thì sao cho khỏi có lòng không thích.

Nhưng cũng không nên lo lắm, tinh thần cũ là ở tính giới, vì thế mà tinh thần ấy không chết được. Ta cố ở cho hết đạo thờ cha kính mẹ, hòa thuận với anh em thì ta lại thấy dễ dàng mà vào trong khuôn phép, không thấy nó ngặt ngòai nữa.

Gia đình thịnh vượng thì nước lại thịnh vượng. Nếu không gia đình, nhác vợ con, thì nói gì nòi giống.

Lấy vợ.

Việc lập gia đình tất nhiên là ở chỗ lấy vợ. Nói thật thì nói “lập gia đình” không phải là tiếng ta. Gia đình mình đã lập từ lâu. Nghĩ mình lập gia đình là nghĩ một cách ích kỷ! Mình lấy vợ là làm cho gia đình mình bền vững, chớ không phải là mình lập gia đình mới. Vì thế mà chọn người làm với mình không phải là tìm người có thể làm cho mình sướng, mà là kén người có thể sống ở gia đình mình được, để nối dõi tông đường, để quản cố việc trong cho mình, để làm tướng từ cửa trở vào trong khi mình làm việc

ngoài, việc đời. Vì thế mà phải môn đăng hộ đối. Đăng đối không phải là con ông Tổng đốc thì phải lấy con ông Thượng thư. Thế nghĩa là con người lương thiện thì chọn vợ ở nhà lương thiện. Thế thôi.

Vợ về nhà mình phải thờ kính bố mẹ mình rồi mới hầu đến mình. Bởi vì phải thờ cha mẹ mình, nối dõi tông đường nhà mình nên mình phải kính vợ. Vợ chồng lấy nhau “tương kính như tân” là: kính nhau như bậc khách, chớ không phải coi nhau như khách.

Kén người con hát thì kén người sắc đẹp vì con hát chỉ là một cái chơi; nhưng lấy vợ thì phải lấy người hiền đức, vì vợ không phải là đồ chơi. Yêu nhau vì sắc thì sắc kia có thể phai nhạt là tình yêu cũng phai nhạt theo. Yêu nhau, trọng nhau vì hiền đức thì hiền đức cùng lòng yêu bền mãi mãi. Mê mãi nhau vì sắc đẹp mà không xét đến tính tình thì khi mê đã hơi tỉnh, tính mới lộ ra, chỉ cãi nhau mà tiêu tán hết hạnh phúc. Trọng nhau vì hiền đức thì không thể ngang trái được, vì chồng nể vợ mà không hề trái ý vợ, vợ kính chồng mà không dám làm mất lòng chồng, kính nể nhau làm cho ít tiếng xô xát, hạnh phúc bền vững

..... Ông Hoàng Diệu mất, bà đang đi cấy, được tin, đứng mà khóc. Tình một đôi vợ chồng cỏ có thể được đến thế.

Một người đàn bà nếu biết rằng chồng mình yêu mình vì sắc, chắc chán tủi thân lắm lắm. Một người đàn ông yêu vợ chỉ vì sắc, khổ sở bao nhiêu.

LÀNG TA

Làng

Kết án làng. Kết án cái đình làng. Nghe mạnh lắm. Người chưa nghĩ đến nghe thích lắm.

Ngờ ngạc nhiên thật khi chúng ta cứ tưởng người hàng phố hơn là dân quê. Ta nên biết người sống trong cảnh thiên nhiên hơn bọn sống trong đồng gạch đá. Nhìn cảnh trời đất, xem cây cỏ mọc làm cho người ta có một triết lý bền vững, nhẫn nại.

Cây đa đầu đình, lũy tre quanh xóm là những vật đáng làm cho ta suy nghĩ.

Làng ta họp thành, không phải là một sự tình cờ. mấy gia đình họp ở một chỗ tiện nước hay tiện ruộng, đặt dưới quyền bảo hộ thiêng liêng của một vị anh hùng, rồi sinh sôi nảy nở mãi ra. Đặt ra khoán lệ để quản trị lẫn nhau. Làng ta quả là một xã hội bền vững, phép vua có khi cũng phải chịu. Trong làng có cái đình là chỗ dân họp hội. Cứ xem nhiều đình mạn bắc thì cái đình là chỗ dân họp đã. Ông thần ở đấy chỉ ở một cái khám cao nhưng nhỏ. Thờ Ngài ở một nơi khác, chỉ khi có hội lớn, có việc to, có cuộc dân gian vui vẻ thì mới rước Ngài đến. Các cụ ngồi thì lấy tuổi mà xếp thứ bậc, dân gian xung quanh, chèo hát ở giữa. Trong lăm làng có cái đình rất to lớn có ý nghĩa rõ ràng như thế. Cày cấy có lệ tháo nước chung; khi hỏa hoạn có lệ phạt người không cứu, khi giặc cướp có khoản giúp gia đình kẻ vì làng quên mình. Ái hữu có hội yến lão, hội đồng niên, hội trợ tang, thờ thầy có hội đồng môn; hội bát âm giữ việc cử nhạc ở đình chùa, hội đánh gậy giữ tinh thần thượng võ, hội thể thao như phết, như cầu dỏ, giúp canh nông thì có hội bắt chuột, đỡ đàn người làm kỹ nghệ thì có phường bách công.

Ngày rộng tháng dài, sau khi đã vất vả cả năm không nghỉ, đã ăn rau hết bữa ấy đến bữa khác, thì đình đám vui chơi, đánh cờ, leo đu, ăn thịt, uống rượu.

Nhưng ở đây cũng như ở gia đình, cũng gặp cái nạn tinh thần và thể cách không đi với nhau nữa. Nhưng giấy rách còn lành, tinh thần lại rõ thì lại thấy quy mô ngay.

Làng, một tổ chức hoàn bị, hãy nên nhìn nhận lại, có cải lương cũng còn khéo khéo kéo nhằm hướng chi là phá đổ.

Tựa vào lòng dục, dùng cách huyền hoặc mà phá thì dễ đấy, nhưng những tổ chức mấy nghìn năm ấy, cái sức bền nhất của nước phá đi thì đồ tuột cả.

Đừng sợ họ cười là hủ lậu. Hãy nhìn kỹ.

NƯỚC TA

Sử.

Một cái gốc rễ nữa là sử nước nhà. Đọc sử nước nhà thấy biết bao nhiêu độ gian nan, ruộng triều đã tưới bao nhiêu mồ hôi, cửa ải đã tưới bao nhiêu máu đỏ. Một trận Bạch Đằng, một thành Bình Lỗ cũng đủ làm vẻ

vang cho cả một pho quốc sử; hướng chi về chế độ, về văn chương, cái nền văn hóa, chúng ta xem đến, đủ tự hào làm người.

Từ trước hai nghìn năm đã có nước, có thể thống, có kỷ cương. Mỗi lần bị áp bức vẫn chống chế không nản. Theo đạo nho đến được chỗ tinh vi, từ đời Lý, thế kỷ 11, đã cấm việc mua bán người, lập các trạm để thông giấy má, đắp đê để giữ nước, mở khoa thi, chọn người hiền, lập quốc tử giám, đặt hàn lâm viện, dựng văn miếu, minh giám tội tù, sửa sang binh chính, vẽ địa đồ bản quốc. Nhà Trần, sửa việc võ, chấn việc văn, lập thư viện, đi dần vào Nam. Nhà Lê mở khoa minh kinh, làm luật Hồng Đức, nhà Tế sinh, đặt huấn điều dạy dân, dựng nhà Thái học, lập tao đàn, mở nghề in, chỉnh đốn công nghệ khai mỏ, sửa thuế thương chính, chỉnh đốn dân xã.

Nền văn hóa vững vàng là vậy, nhân vật lại không thiếu gì. Đức độ như Tô Hiến Thành, Chu Văn An; giao thiệp như Trương Hán Siêu, như Nguyễn Trãi, đi sứ mà không nhục mệnh như Mạc Đĩnh Chi vẫn còn để vết ở sứ Tàu, như Đoàn Nhữ Hài đi sứ Chiêm mà không chịu lạy; anh hùng như bao nhiêu trai gái đời Trung, đời Triệu, tướng tá như Lý Thường Kiệt, như Hưng Đạo Vương, người Mông Cổ còn thấy trọng mà tránh gọi tên; Phạm Ngũ Lão, Lê Phụng Hiểu, Phạm Tử Nghi, bao nhiêu dũng sĩ; lý học có Nguyễn Bình Khiêm, lý tài có Nguyễn Công Trứ.

Xem qua từ nay về trước ta có thể tự hào là người Nam, những tình huống lúc này ta nên ngẫm nghĩ mà tự sĩ.

“Biết xấu hổ đã là gần bậc mạnh”

MÌNH TA

Ta hãy xét mình ta.

Biết mình, biết người mới làm được việc.

Mình có cái hay gì?

Trí tuệ thì sáng nhanh.

Học tài lắm, sáng dạ, ham học, trọng học thức.

Khéo tay chân.

Bắt chước khéo.

Nhớ lâu.

Lễ phép

Trọng đạo đức.

Giữ được liêm sỉ ở khu vực mình

Khí dân mạnh.

Yêu gia đình.

Quán quýt làng mạc.

Dám làm.

Hay nhớ ơn.

Biết thương người.

Ưu hòa bình.

Trên chiến trường có can đảm, kỷ luật.

Cả nòi giống một tiếng nói.

Đàn bà đảm đang, tiết nghĩa, cần kiệm.

Bền chí.

Nhưng,

Cũng lắm thói xấu lắm.

Trốn trách nhiệm

Hay quên nước.

Ra ngoài khu vực mình thì hay quên liêm sỉ.

Khoe khoang.

Dối trá quỷ quyệt.

Cờ bạc.

Không đúng giờ, đúng phân tấc.

Không rõ ràng.

Đến đâu hay đến đó, xong thì thôi.

Làm việc thì ham mê, ít vì chí muốn.

Bướng mà không biết cả quyết.

Không lương tâm.

Hay ghen ghét, không đồng lòng.

Rượu.

Thuốc phiện.

Không giữ mình.

Bài bác chế nhạo.

Xa hoa.

Thanh sắc

Tham.

Phần hồng cơ hồ lẩn phần đực. Xem kỹ hai tấm sổ trên này thì đực công có nhiều, đực tư có ít. Khi thường thì tình thường thắng, khi biến thì những tính mạnh mẽ di truyền vẫn phát ra được. Những cái cốt vẫn có, nếu chịu chạy chữa bỏ những cái ham muốn một lúc thì có thể mong mỗi được:

HAY

Xét kỹ từng khoản.

Người Nam học tài lắm, trí tuệ sáng suốt, nhanh lẹ. Không kể như mấy ông trạng đời Trần, đời Lê làm cả trạng nguyên hai nước: Tàu và Ta. Ứng đối nhanh nhẩu và tài tình. Nhớ được dai và nhanh. Đọc thuộc lòng tứ thư là một chuyện sứ thần đầu Lê. Ứng khẩu một bài văn tế mà đáng ghi vào bắc sử là tài cụ Mạc. Ngay bây giờ ở nước ngoài và ở nhà, những học trò cao học mà xuất sắc thật không thiếu gì người, song bay bướm lại nên hồn hậu; nhanh lẹ nên ngại chuyện hấp tấp. Chúng ta nên ngừa mình, mỗi khi phải suy xét kỹ rồi hãy nói thời hơn. Đời nay những người học giỏi hay lấy một tờ bằng cấp, một cái địa vị làm mục đích. Ở lúc tài có thể đo được thì thừa đủ mà ở chỗ không còn đo được thì lại không có bao nhiêu.

.....
...

Vì đó thành một nước trọng văn học, có lúc lại trọng cả võ học nữa. Chữ nho khó là thế mà cái làng nhỏ nhất cũng có ít ra một thầy đồ. Gương

hiếu học như thế thật ít có.

Trong bọn thợ thuyền nhiều tay khéo lắm. Những hàng thêu dệt những đồ khảm ba bốn mươi năm về trước thật là tuyệt khéo. Ngay bây giờ cũng lắm đồ làm khéo đến một bậc không ngờ. Nhưng phần nhiều hay có những người muốn sản xuất vội vàng, làm bán được thì thôi cạnh tranh nhau không phải đường. Các người học nghề lại phần nhiều là vì quá tuổi hay thiếu bằng cấp mà học, chớ không phải tự bản tâm yêu nghề. Ở một trường kỹ nghệ ra mà nếu gặp một chân thư ký thì không ngại ngừng gì, làm ngay. Đó là một điều đáng lo.

Thợ An Nam có cái tài bắt chước khá lắm. Nếu được chỉ bảo tốt thì chắc làm kịp người.

Dân có liêm sỉ. Lắm lúc liêm sỉ cũng hiểu hơi nhầm, nhưng cái biết xấu hổ thực là có. Nhất là trong một làng, một phường, tính ấy lại càng rõ rệt lắm. Cũng có ít người ở làng mình thì biết tự trọng, nhưng ra chỗ xa lạ không giữ được nét ấy nữa.

Ai cũng biết rằng người An Nam lễ phép. Dầu ở tỉnh thành hay có những kẻ lác các nông nghênh, nhưng tỉnh thành chỉ là một phần mấy mươi của toàn dân. Và lại đến tuổi biết nghĩ thì ai cũng thấy những di truyền trở lại mà cư xử khôn phép cả?

Không nên thấy một phần hư hỏng mà quá lo. Đạo đức bao giờ cũng được trọng, những bậc có đạo đức lớn không khi nào là không được trọng.

Trước sức mạnh; khí dân chỉ êm khoảng chốc lát, nhưng lại hồi ngay. Lịch sử đã bao nhiêu lần chứng thực như thế.

Người An Nam không hay quên gốc. Có người ché An Nam bịn rịn với gia đình, với làng mạc quá. Không biết đó là cái cơ bền vững của giống nòi mình đó.

Tin rằng chết là một cái “về” mà thôi, nên trước một tai nạn lớn, nhiều người dám làm những chuyện phi thường. Không phải tìm trong đám người học thức, những dân thường hay có quả cảm, hay có những cử chỉ rất anh hùng. “Độ hai mươi năm nay, trên vũng Hàn (Tourance) một chiếc thuyền chở dầu xăng, bị một thùng cháy. Trong thuyền chín mạng người, phần nhiều là trẻ con, rồi rít kêu cứu. Các thuyền bên vì sợ cháy lây, dẫn cả ra. Bỗng có một chiếc ở ngoài rẽ sóng chèo vào, một người dân chài nhảy

sang, đội cho nóc thuyền cháy đó phải bung ra rồi hai tay bung lấy thùng dầu đổ ngòm mà quăng xuống bể. Con người can đảm ấy bị cháy cả ngực, cả bụng, trụi hết cả râu, phải vào nhà thương. Nằm cứ há hốc mồm vừa thở, vừa khát nước. Vợ bác vừa quạt cho chồng, vừa phàn nàn rằng: “thật cái ách giữa đàng, đâm quàng vào cổ”. Chồng thở dài: “rõ thật bụng dạ đàn bà”.(Báo Trung – Bắc)

Một bà đàn bà ấy thôi, chớ đàn bà nước Nam không phải vừa.

Những việc kể như trên này vẫn thường được thấy, nhất là ở trong đám những người làm việc nặng nhọc và sống đơn sơ.

Một nghìn năm nội thuộc, bao nhiêu độ khởi nghĩa, đối với người Bắc có thể gọi là thế thù. Ấy thế mà biết bao nhiêu đèn và đình thờ các quan lại người Bắc, hoặc đem thánh học, hoặc đem nghề mới dạy dân. Dân ta biết ơn lắm.

Trong chiến trận rất can đảm mà vẫn trọng trật tự, vâng theo mệnh lệnh. Thên mà lúc thường dân ta lại yêu hòa bình. Tính hay cái gì cũng “chín bỏ làm mười”. Phần uất thì hò hét chửi rủa rồi ngày mai lại đon đả chào nhau. Ai ở thôn quê cũng thấy thế.

Tiếng Việt Nam là chung cho cả nước Nam. Từ cực bắc cho đến cực nam. Người Nam vẫn nói một tiếng nói. Trong một làng mỗi xóm còn nói một giọng hơi khác nữa là xa nhau nghìn dặm; trong lúc Nam tiến gặp bao nhiêu cảnh vật, bao nhiêu tình thế lẽ nào không có thay đổi đôi chút. Xét ra thì những cái thay đổi ấy còn làm giàu cho tiếng. Nói đến giàu thì tiếng ta thật giàu. Những người cứ kêu tiếng ta nghèo là chỉ vì không học tiếng ta đó thôi. Đó những người ấy về nhà mà gọi tên đủ các đồ vật, hiểu nghĩa được những tên đó, hay đọc một bài văn làm trăm năm nay mà rõ được hết nghĩa. Những người ấy có đôi khi lo đến học tiếng ta thì họ lại học mấy tiếng tàu trong tiếng ta thế thôi. Thật ra tiếng ta có đủ để tả những tình cảnh rất tinh vi, rất hợp, rất đúng. Bỏ không dùng cái lưỡi mãi là không nói được là tại lưỡi hay tại mình. Tiếng ta lại là tiếng đặc biệt của ta dầu có tiếng tàu mà gốc không ở tiếng tàu. Thật là một tiếng sống, một cái cơ làm cho rải rác xa nhau, người Nam vẫn hợp nhất được.

Người đàn bà An Nam là một sức mạnh của nước Nam. Ai nói những chữ giải phóng với đàn bà là nhầm. câu chuyện cấm cung thì họa chẳng chỉ có mấy bà công chúa, chớ ở dân gian thì chân lấm tay bùn, vợ thầy đồ còn

phải tàn tảo, vợ ông quan cũng then nôi bám lưng chồng, còn muốn hơn chị em ở cái chỗ một tay làm nôi cơ đồ, ở chỗ gửi được tiền lên cho chồng tiêu cho khỏi quấy dân. Một thời trước mà cả bây giờ nữa lắm bà buôn từng chuyển tàu. Luật Hồng Đức, một bộ luật An Nam nhất, để cho người đàn bà một phạm vi rất rộng. Luật Gia Long hơi Tàu nên có ngặt đôi chút nhưng ông quan xử án cũng vẫn dựa vào tục lệ mà không dám thẳng tay bao giờ. Đàn bà ta lại hay lấy danh giá ở chỗ hay giúp chồng, mà sấn sổ ở nơi chồng chiều. Những lỗi mới bây giờ đua mặc đua chơi, đòi nâng giắc, chỉ là việc một lúc, một hạng người thôi.

Ở một làng xem từng nhà một, thấy những nhà sa sút thật ít có, mà những gia đình sinh sôi nảy nở lên, làm ăn dù không cấp phát lên ngay nhưng ăn nhịn để dành, nay một tí, mai một tí cho đến khá, thật lắm lắm; ta thật là một dân có chí.

Một lẽ sống nữa là nhà mình đông con. Nhiều người tự cho mình có văn minh thì chế nhạo việc này lắm. Nhưng mà với những nỗi biến cố xảy ra luôn mãi, mình còn sống được, chẳng nhờ cái đông con là gì? Mình không giữ được mình để đến nỗi bệnh hoạn, đẻ ra những con ốm yếu điên dại, đông con thật là hại nước. Đẻ con ra mà không giữ được sữa nuôi nó, lại nuôi vú để hại con người khác, đông con như thế là hại người. Con lớn lên mà không trông nom nó, không dạy nó, không cho nó những gương tốt, đông con như thế là hại đời. Cho mỗi gia đình được một nửa tá con mạnh khỏe, ngay thẳng, sức lực quốc gia, hy vọng xã hội chả ở đây thì ở đâu?

DỠ

Bây giờ nói đến chỗ không đủ:

Lâu nay mình quen dựa dẫm; ở nhà dựa dẫm đã thành thói, ra ngoài lại dựa dẫm nữa, ta đã đến chỗ cho mình là không tự mình làm được việc gì cả. Lẩn việc cho là khôn, trốn trách nhiệm cho là láu. Thành tính rồi thì nguy lắm. Ta phải chọn việc mà làm. Làm việc nhỏ cũng thật cho xong việc nhỏ, dần dần quen đi thì việc nhớn cũng đủ gan mà làm được. Mình yếu mình khổ, hãy kể lỗi mình đã, đừng đổ tại số, tại người, tại trời. **“Người quân tử không oán trời, không giận người”**.

Đã trốn trách nhiệm quen thì còn ít chí nào chỉ hay lo cho mình thôi. Tiến bậc nữa đến vợ con là cùng. Hay quên rằng nước có một phần là chính

mình với cái xấu, cái hay của mình.

Mình lại có cái tính hay trọng hư danh, khoe khoang. Dem một phần lớn số tiền kiếm được cung vào chỗ quần áo, giày mũ. Đã lấy mặc áo xấu là mang tiếng thì làm sao cho được cái gan tiến lên.

Dối trá quỷ quyết, không chối cãi thói hư ấy được. Chống chế thì nhiều người bảo: ấy là một cái khí giới của kẻ yếu. Vậy thì muốn yếu mãi ư: Nói thật, ở thẳng phải can đảm mới làm nổi. Hàng phục mãi thì mong đứng làm sao được. Cây có để cho gió uốn xuống thì mới uốn được chứ.

Cờ bạc là một cái hại to lớn sẽ nói riêng sau này.

“Giờ An Nam” người ta vẫn quen gọi thế. Mời ăn cơm thì năm giờ đến bảy giờ chưa đến. Mình đến đúng thì cũng phải đợi người đi chậm, hóa ra mình cũng đi chậm nốt, thành muộn cả nút, muộn quen đi. Hẹn hội họp cũng vậy. Nếu những người hay đi trễ mà tính xem mình đã làm cho những người khác bị thiệt bao nhiêu thời giờ thì tất phải ghê sợ. Đi không đúng chỉ là một cái cầu thả, một cái hèn, không tự mình bắt mình theo nổi mệnh lệnh mình. Chúng ta nhất định đi đúng. Họ không đến đúng thì mình về. Đành hỏng việc nhưng hỏng chỉ một lần, hai lần, rồi cũng phải đến được. Chỉ một vài lần là lợi được mãi mãi. Có một chiếc đồng hồ mới được. Đồng hồ thật đúng, chớ đừng có cái thói cho nó nhanh năm phút là vừa. làm như thế là mình làm hèn mình. Cứ thật đúng. Cũng đừng đến sớm, trước giờ hẹn, vừa phí thì giờ mình, vừa làm hỏng việc người, không may mà mình đến sớm quá thì rút đồng hồ ra, đứng ngoài cửa, đến phút ấy, giây ấy sẽ bước vào. Người ta chê mình, mặc; cười mình cũng mặc. Một lần người ta bảo là mình gàn, nhưng hai lần người ta phải nghĩ ngợi, rồi thấy phải nhẽ người ta cũng phải làm như mình. Ấy những cái “chương” ấy hóa được người đấy.

Ai chả có lúc bực mình vì nổi đi thừa cái then sắt 25 phân thì người thợ rèn làm 26, 27 hay 23, 24 phân. Chỉ tại không đúng, tại cầu thả, thế nào cũng xong. Nhưng để đến nổi làm đi làm lại, thà làm một lần cho thật đúng có hơn không. Với lại tính “gặp sao nên vậy” ấy làm cho khó tưởng tượng được rằng người An Nam làm động cơ máy bay, làm đồng hồ nhỏ và đúng. Hãy có cái thước thật tốt. 26 phân cũng được nhưng đã định 25 phân thì cứ 25 phân, không chịu 25 phân nửa ly; thế cho quen đi.

Cũng tại vì cầu thả mà đến đâu hay đến đó. Không lo xa. Cái này cũng như mấy cái trên, lỗi vẫn ở chí khí không bắt buộc mình được thì

mình làm sao tránh được cho mình những nỗi nguy nan sắp đến.

Cả quyết khác, bướng khác. Bướng thì không suy xét. Cả quyết đã là suy xét rồi. Bướng là cái sức của xác, cả quyết là sức của tâm hồn. Ta nên bỏ cái bướng xằng, mà thấy việc nên làm phải cả quyết. Đã chỉ lo ở ăn mặc ngon và đẹp thì không chịu nghĩ xa. Vì thế mà lòng dễ ghen tị. Cái danh không thực vẫn hay làm ra thế. Một bọn ngồi với nhau bàn bạc thì hay ghen hơi, hay vị mình, như thế đồng lòng sao được. Khi đã biết rằng “gốc thì ai cũng có được lòng thiện”, thì dễ hiểu nhau, làm việc cùng nhau tất dễ.

Rượu và thuốc phiện sẽ nói sau.

Mình tính hay vui. Thấy cái gì cũng làm câu chuyện pha trò, câu chuyện cười rồi dương dương tự đắc là mình hơn người hay thắng người bằng một cách dễ dàng như thế.

Nguy hiểm lắm, không chữ câu nào chua chát bằng lời chế nhạo. Chế nhạo lại làm cho mình tự cao, tự túc, rồi mình không khá lên được, đã hay rằng khí hậu nóng hay làm cho người ta quay ra cười, nhưng cái trầm mặc lặng lẽ vẫn mạnh hơn, vì có thể mới suy tưởng được.

Sẽ nói đến cái xa hoa và chơi thành sắc.

Nói ngay đến cái thói chép miệng, thờ dài. Ít lâu trước, con mà thờ dài là mẹ trừng mắt nhìn. Ôm cầm ngấn ngơ là lỗi nặng. Nước Chiêm Thành sắp mất, phát ra những giọng bi ai. Nhà Lê sắp suy, đem những giọng bi ai ấy vào nhạc bộ. Không phải là lỗi ở lời ca, điệu múa. Chẳng qua trong hồn đã yếu thì cái yếu ăn nhập vào ngay, nó được xứng chỗ, nó tràn ngập ngay đi. Đừng có những tư tưởng chán nản. Người làm việc hết sức, xong rồi về nhà, lời ca khác nào khúc khải hoàn sau khi đã thắng được một trận. Khúc khải hoàn sao có buồn được. Mỗi khi buồn lên, mỗi khi mồm chán nản mới nứt ra, ta hãy tìm lấy một việc, gây lấy một hy vọng, để sức vào làm việc, để chí vào thành công, nỗi sầu tất phải tan tác. Đó cũng là chuyện mình thắng mình.

Ấy được chỗ ấy, hồng chỗ ấy.

Ta làm thế nào?

Cái gì hay ta giữ lấy, cái gì dở ta bỏ ngay đi đã.

CÀN CHÙA

XA HOA

Đi học gì thì khó, chớ học cái đàng điếm xa hoa thì dễ thôi. Vì vậy mà nhiều người du học đã không hao bao nhiêu tâm lực mà nhiệm ngay được cách ăn chơi nước người.

Chẳng phải đi xa, ở ngay nhà mà nhiều người cũng đến được bậc ăn mặc.

Thầy Không nói rằng: "Cái người để chí vào đạo (đường) mà còn lấy áo xấu, đồ ăn xấu làm thẹn thì chưa thể bàn cùng hấn được".

Nói thật ra thì xa hoa ăn chơi có khó gì. Chỉ cần tiền là đủ. Có tiền thì không cứ một người nào cũng có thể làm hình nhân mang một bộ cánh đẹp, cũng nhai được hải vị, sơn hào. Tiền có đời nào mua được học vấn, tiền có đời nào làm cho người ta tin ở mục đích cao thượng. Tiền còn làm cho người ta nhụt đi còn có. Thế thì ăn sang mặc đẹp đã quý gì.

Vả lại một mình mà có cái nhà lầu mấy mươi buồng rút cục mỗi lúc cũng đến ở được một buồng là cùng. Thay đổi buồng luôn, trí bận về thay thì còn hưởng làm sao được cái hay. Một mình không lau lét được hết, thành ra phải nhiều đầy tớ. Người ta có phải sinh ra để làm đầy tớ mình đâu; người ta phải có công việc người đối với xã hội. Mình đã làm được ít việc lại còn chiếm mất cái sức làm việc thật là đối với xã hội có tội vậy.

Mặc áo mà đức mình không xứng được cái đẹp của áo thì làm môi cho người ta chê. Đã thế áo nhiều tiền lại còn phải tốn sức mình giữ gìn cho nó nữa, hóa ra mình làm tội tớ áo. Gặp việc phải làm, nó còn nắm mình lại là đàng khác.

Nằm ngủ trên đệm làm hư mình. Giấc ngủ nhiều mộng mị tổn tinh lực. Quen thân đi rồi cái phản gỗ của mọi người mình đặt mình vào đã phải cho là khổ. Người biết vệ sinh cho nằm giường rắn là tốt. Còn người trong nhà khách bày ngay cái giường Hongkong thật tỏ ra rằng chỉ biết trọng cái ngủ mà lại không có mỹ cảm tí nào cả.

Việc ăn quan hệ thật; không phải vì quan hệ mà phải dùng một người bếp, mà phải dất dít nhau lên hiệu ăn. Không Tử ham học nhạc mà một

tháng ăn không biết mùi thịt. Những người cho là ăn giỏi, có lẽ trong ruột không có cái ham muốn gì cả. Thánh thầy thuốc là ông Lãn Ông bảo rằng: "Cái thể ăn lê hoắc (rau) thực, mà cái thể ăn cao lương hu". Ăn cao lương miệng hóa nhàm không còn lấy gì làm thích nữa, thành ra phải dùng những đồ gia vị cho ngon miệng. Đồ gia vị đốt dạ dày. Phải lên hiệu ăn cho lạ miệng. Hiệu hay giữ khách bằng đồ đốt cháy, bằng nước chấm, nước pha. Có khi họ dùng cả cái tanh, cái ôi mà làm cho lạ miệng khách nữa. Men của xanh chảo, ri của chì thiếc, than ghét của các nồi, những đồ ăn ươn còn lại, dùng hành tỏi dấm mà giấu mùi, đó là những quân thù của dạ dày. Ở nhà bệnh chỉ có hai hạng khách: một hạng cu li bạ đâu ăn đấy, một hạng giàu sang quen cao lâu. Ấy là chưa nói những vi trùng bịt quanh bát, tằm vào đĩa, Nói ăn là quan hệ vì ăn phải phép thì có sức khỏe, ăn không phải phép thì chết về ăn thôi. Ăn để cho đủ sống. Sống cần gì: cơm, thịt, rau, đậu, trứng, cá, hoa quả. Thịt cá ăn chóng lại sức nhưng lại lắm độc, rau dưa ít bổ nhưng cũng ít độc. Vì thế hai ba ngày ăn thịt một lần cũng thừa đủ. Người 60 cân mà ăn quá 60 grammes thịt thì ăn vào cũng không tiêu hóa hết, thành ra phí tiền, mõi răng, mết dạ dày. Cá và trứng có thể thay đổi với thịt. Mình có một đồ ăn thượng hạng quý là đậu phụ. Đậu bổ óc, bổ thịt, nhà khoa học ví nó hơn thịt tái đẳng tốt nhất. Tương cũng thế. Rau muống làm cho máu thêm sắt, tươi màu máu. Đừng tưởng ăn thịt bổ mà cần ăn lắm thịt. Ăn lắm thịt thì ứ nhiều độc trong người, bệnh lắm chứng, lại hay sinh mụn nhọt. Rau ăn nhiều có lợi, vì ngoài sức bổ của nó, nó lại là cái chổi quét ruột, làm cho việc tiêu hóa điều hòa, nó lại là cái xe, xe cái chất bổ vào trong máu. Một cái rất cần là sinh tố (vitamine) ở các đồ ăn còn sống. Trẻ chỉ ăn sữa hộp hay đun rồi thì phải còm. Người lớn chỉ ăn đồ ăn chín cũng phải rạc xương thịt. Vậy nên ăn hoa quả sống nhiều, nhưng cũng đừng nhiều quá. Ăn uống đơn sơ, thì đỡ khổ răng, đỡ mết dạ dày, đỡ tốn công, tốn tiền mà lại giữ được cho lưỡi, cho ruột được nguyên cái tài nếm. Có khi thấy người mỗi bữa ăn vài bát mà khoẻ hơn mình ăn ba bát; cái bí quyết đây: người ấy ăn ít nhưng nhai thật kỹ. Trong bụng làm gì có răng, nếu nhai rồi thì dạ dày làm vôi vàng, nó mết lử đi rồi tống cả xuống ruột, tuốt ra ngoài cho xong. Kết quả: mết dạ dày, và phí của ăn vì ăn hai mà vào máu được có một, Ăn vừa phải, nhai thật kỹ, nhai cả nước cháo nữa, trộn kỹ vào nước bọt rồi hãy nuốt. Dạ dày làm việc thư thả nhẹ nhàng, đỡ đau và tiền chợ vì nó giảm được một nửa. Dạ dày (bao tử) thật là giỏi làm việc không bao giờ kêu ca. Nó không kêu nhưng nó làm quá thì nó ốm, nó rách, nó chết. Vậy mình giữ

gìn cho dạ dày đó là mình cho mình sống lâu đấy. Đến lớn tuổi thì mình nên ăn ít bữa và cho xa nhau cho dạ dày nó nghỉ. Bữa sớm, gọi là cháo, hay nước chè loãng cũng đủ. Ngoài hai bữa cơm ăn cho đúng giờ, thì đừng có quà cáp gì nữa. Chưa tiêu hết một nửa bánh buổi sớm đã phải làm buổi trưa, quá trưa lại quà, quà chưa trôi lại cơm tối, rồi đi xem chớp bóng về lại ăn cơm nữa, thì dạ dày bằng sắt cũng phải chết. Ăn như thế trách nào mà chẳng kêu không được ngon miệng. Không được ngon miệng thì có một cách thần hiệu chữa được, là làm cho mệt, là thư thả sẽ ăn. Như thế thì mấm Đại Phong của Trạng Quỳnh cũng ngon đáo để. Nói tóm lại: ăn đúng giờ, ít bữa (nhất thực như nhà chùa thì quá lắm), đồ ăn đơn sơ không gia vị, ít thịt, đủ đậu nhiều rau, thêm hoa quả, đó là phép trường sinh tốt hơn cả.

Trong phòng khách nhiều nhà bày cái tủ chè, trên có bộ đỉnh, giữa có cái sập chân quý, ngoài là bộ sa lông kiêu mới, trên tường treo lô nhô những đĩa, trên vại cái bút phê, với cái ống nhổ to tướng. Cái giường đã chường nhưng vẫn chưa chường bằng một cái quái vật đối diện với nó; đó là một chiếc xe cao su nhà không biết ở đâu lăn vào đó, dơ cái càng lên như dọa nạt cả nhà. Khổ quá, nào lau, nào đánh, nào bắc cầu cho nó vào, nào thụt hơi vào cho nó, nào một người phải để riêng phục dịch nó, để nó làm gì, để nó làm cho đôi cẳng mình vô dụng, để nó bắt người đồng loại mình làm ngựa, để thêm một hạng người ở thượng lưu, vừa kéo vừa lí lầu chuyện với chủ, hay vừa gắt gỏng với con chủ, những cậu bé hậu bổ nghè cùm chân. Để cho cái xe nó đi về với ông tổ của nó, hay để cho những người tàn tật, bệnh lão, thì có phải nước thêm được hai tay làm việc, mình thêm được hai chân cứng cáp, con mình đi học khỏe được không. Lắm lúc thấy cậu bé rê ra đến cửa, rê lên cái xe, rê vào trường rồi lại rê lên xe về nhà, trong khi các anh xe quăng mỡ thi nhau, hay mắng chuyện mà phải sợ. Mà các cậu bé có thích thế đâu. Lắm cậu quăng cặp sách cho xe rồi ù té chạy thỏa thích, gần đến nhà mới lại trèo lên cho khỏi phải mắng. Đi là môn thể thao rất dễ và rất bổ ích. Ngày nào không đi được mười hai cây số đó tức là ngày không đủ sống đó.

Cái máy tài tình nhất phương tây là cái xe đạp. Thật là tiện vô cùng. Nhưng cũng đừng dùng nó quá mà quên dùng chân đi. Đi xa hãy dùng nó, mà dùng nó thì đừng cúi gầm xuống như những nhà vô địch mà bóp ngực lại. Họ lao về xe đạp vô số.

Nhiều người kiếm được số tiền vừa vừa, mang những gánh nặng khá mà sắm đến bộ áo bằng lương hai tháng của mình, đóng đôi giày bằng lương nửa tháng. Anh hùng thay những người đi làm được những việc như vậy. Chịu ăn thiếu thốn bao nhiêu ngày, bệnh bỏ không chữa bao nhiêu lần, vợ rách con nheo nhếch mà vẫn giữ được cái danh giá của chàng công tử sang, cái anh hùng cũng ghê thật. Song nghĩ kỹ thì chẳng qua là trò giả dối, đau đớn. Mình kiếm được ít tiền, nếu sợ người ta biết là ít thì tội gì mà làm. Trang hoàng kéo sợ người ta chê thì ra đi làm khó nhọc, vợ con túng thiếu, đi để ăn mặc cho người ta vừa mắt thôi ư? Tưởng rằng mặc đẹp thì người ta trọng, thế ra tự hạ, cho mình ngoài quần áo, giày mũ không còn có cái gì đáng trọng hơn ư?

Tiền mặc sang, tiền tiêu khiên ở trà thất ở vũ đài, ở ảnh viện nếu dùng thêm cho hạnh phúc nhà mình, dễ dàng công việc mình, mua sách đọc.

CỜ BẠC

Đánh bạc.

Bao nhiêu người chết, không có thì sống vợ, sống vất, không có hôn trong năm ngày rưỡi. Rồi xong bữa cơm trưa thứ bảy, cấp áo ra đi. Rồi ngồi vào đám bạc, bỗng có kinh, có quyền đối lữ cùng ba bốn người, đánh những trận sát phạt, ghê gớm, sống một cách lăm khi "oanh liệt".

Bao nhiêu người nói rằng chiều bạn, vui chơi mà thật ra sống bằng đồng tiền hồ.

Ấy là không kể những sòng ăn nấp ở các chỗ xó xỉnh, những sòng công khai ở miền biên thù, hay ở thành thị như cá ngựa, hay ở những chỗ khác nữa.

Đi chơi, để góp tiền hồ cho người ta ăn, nếu biết rằng đọc sách, óc được mở, tập võ người được mạnh, đã không đến nỗi thế.

Người ăn tiền hồ của người ta, dù ở vào hạng phú quý bậc nào, cũng phải đau lòng khi thấy mình bị liệt vào hạng "chứa gá". Đã chứa gá, phải

chiều khách, cái gì mà chẳng phải nhịn, trò gì mà không làm.

Người đánh bạc có khi vì muốn ngồi với ông nọ bà kia. Nhưng đã là con bạc thì còn danh giá gì.

Đánh bạc, giàu cũng có khi vì chơi, sau xót vì thua, vui vì được, thế là bị đồng tiền sai rồi.

Người gá bạc, các cậu con, cô em, được mấy hào chia bài, ăn chung với đầy tớ, cũng sa ngã vào vòng ăn nhữn của dễ kiếm, ăn quen mồm rồi, lúc túng đâm ra ăn cắp, khi lớn làm gì cũng không thấy dễ dàng như thế nữa, thì lại nổi nghiệp nhà. Những chủ gá (dù là gá chơi) nếu nhìn xa thì còn gan nào gá nữa.

Ngồi đám bạc coi đồng tiền nhẹ nhàng thành thói quen đi, ra ngoài cũng rộng tiêu, không thể nhịn tiêu được nữa.

Mất tiền còn hơn mất lương tâm. Muốn được phải lừa người. Đã lừa còn nói gì lương tâm.

Cứ bảo đánh tổ tôm là sang trọng, là chơi phong lưu. Vậy đánh tổ tôm mà thua thì có ai vui không? Được có ai nói thật không?

Anh em bè bạn ngồi vào đám bạc, có còn tin nhau nữa không? Cha con vợ chồng quanh một cái bát có còn yêu, còn kính nhau không?

Lấy lợi mà nói, thì có một cách thí nghiệm. Mỗi người bỏ một số tiền bằng nhau. Đánh xong mỗi ván là bỏ tiền hồ cho đúng lệ. Canh bạc tàn, có ai còn tiền không?

Nếu có thể nói được một câu với những kẻ làm cha, làm mẹ thì nói thế này: Ông bà có thể để cho các cô, các cậu ấy trong lòng kính ông bà không? Ông bà có muốn cho những người ấy bắt chước ông bà không? Ông bà có sợ những nỗi đau thương trong lúc cảnh già không?

Người ta cứ bảo: An Nam đẽ ra là đã có cái "mê" đánh bạc rồi. Cái ấy chưa chắc. Chỉ có người An Nam hiện nay trong đời thấy nhiều chỗ trống trải. Vẫn biết là tại mình. Mình có tội đã. Vì nhiều chỗ trống, nên đời thấy nhạt nhẽo. Làm người ai cũng có một kho quý báu là kho "muốn thi thố". Đã không có chí, thời thi thố vào chỗ đánh chác, đánh ... bạc.

Bắt đầu vì buồn chán.

Bước thứ hai vì lợi nói sai.

Bước nữa, cái tâm chết.

Thế mà bao nhiêu cái hay, bao nhiêu cái đẹp có thể đầy được cái chỗ trống ở trong tâm.

Ai bảo người đánh bạc là không có can đảm? Những người có máu mê cờ bạc là có can đảm đó. Những người ấy dám đem mồ hôi, nước mắt, giọt máu, hạnh phúc của gia đình, tương lai của thân thể, liều một tiếng. Úp một cái, mở một cái, sống chết ở đó.

Những người ấy dám.

"Dám" như thế người nhát không thể làm được.

Nước mắt, chồng chết, chị em thân gái, bà Trưng "dám" khởi binh để treo tấm gương cho muôn thuở. Trong có quân gian ngoài có giặc dữ, Ngô Vương Quyền dù vợ nắm lại, mà cắt áo ra đi "dám" đánh một trận trên sông Bạch, bắt Hoàng Thao, phá tan quân Nam Hán. Thế như bể tràn, quân Mông Cổ sang, Đem một nước bằng bàn tay éch với mấy đám quân cha con, Hưng Đạo Vương "dám chống lại" mà phục được quân nhà Nguyên là quân đến lúc bấy giờ vẫn chưa biết cái thua là gì cả.

Tuy việc có khác nhau, nhưng cũng là một cái "dám". Một bọn người tự cho mình rằng không còn cái gì đáng giữ, đem cái "dám làm" của mình mà dùng vào cuộc đỏ đen, thế mà thôi.

Đáng thương cho cái chí đã cùn, nhưng khí thì vẫn có. Chí ấy mài rũa, quyết rằng làm được, có thể đảm đang được những công việc lớn.

Những người ấy, muốn không mai một đi, chỉ phải tìm được việc, rồi lập chí mà làm.

Chao ôi: Biết bao nhiêu việc phải làm. Dùng hết thời giờ còn lo chưa đủ, sao lại "giết" thời giờ, giết luôn chí khí, giết cả đời mình mà tự an ủi cái thân trong một cuộc chơi dối mình như vậy.

TRAI GÁI

Nói hẳn tên nó ra, nó là cái thú của thanh niên: chơi gái.

Chơi gái! Hai chữ đó đựng bao nhiêu ý khinh nhờn đối với đàn bà, bao nhiêu nông nổi lụn bại của đàn ông. Phải biết và hiểu rõ ràng rằng chính đàn ông đi chơi gái là bị sa ngã đó.

Người đàn ông muốn đi lại với đàn bà ở ngoài với vòng cưới gả, thì đi lại với người con gái, người đàn bà có chồng hay góa chồng, với những người bán dâm.

Một người con gái chưa biết rõ thế nào là tình duyên, là tình nghệt, mình đưa cho người ta vào con đường ấy, thế là đẩy người ta vào một cái giếng mà không có thang nào có thể lên được nữa.

Người ta đã một hai nhảm nhỡ rồi, có người cứ ngỡ rằng đi lại với người ta, không phải hối hận gì nữa, đó cũng là nhảm, vì có khác gì người ta đã ngã xuống giếng sâu mà ta còn đổ cho thêm một ít đất nữa.

Người con gái ngây thơ, đem những tiếng bất chính mà "hiếp" tai người ta, vẫn đục tâm hồn người ta, đó cũng là một tội nặng.

Miệng đời vẫn nói: "Việc vỡ lở thì lấy là cùng chứ gì". - Thế là đủ ư? Ai là người phải lừa trong cái mưu mẹo này, phải không chính là mình đó. Mình chỉ mong thỏa cái vật dục thì có chọn người đâu. Có ghê gớm không? Suốt một đời phải ở với một người không thể hợp được: ngực chung thân ấy để đền bù cái tù tội lỗi vì ham muốn một chốc lát. Mà người bạn tù chung thân ấy nào tội có nặng như mình đâu. Gớm ghê không, cả đời có cảm tưởng nặng nề là làm chồng một người đàn bà thất tiết, dù thất tiết với mình. Như thế còn kính nhau làm sao được, còn tin nhau làm sao được. Mà không kính nhau, không tin nhau thì đời nào bền vững, hạnh phúc sao có.

Nếu cho rằng lấy người đã hư với mình là đền bù được, thế thì đối với người đàn bà đã có chồng đền bù thế nào. Hạnh phúc một đời người ta, hạnh phúc của hai người, sao mình dám phá hoại, sao mình nỡ phá hoại. Người ta làm, mình làm cho người ta tỉnh mà thôi, dù tưởng rằng thiệt thòi, nhưng chính người ta sẽ được nhờ mình suốt đời đó.

Bên hang hổ tình dục, đứng vững được, phải có sức của bậc "dũng".

Mấy tiếng lầu xanh hay hồng găng gượng che đậy cho bao nhiêu nỗi đau xót. Con người sa vào những chỗ đó, chín mươi chín phần trăm là vì đói thôi... Người ta vì đói, vì khổ mã phải.....đến nơi ấy... Mình còn phạm lỗi làm rẻ cái giá trị của một người, một người như mình. Phải biết rằng sa ngã là bị hại, lòng nào mình thấy người ngã xuống sông mà còn dim thêm đi nữa.

Những người hữu tâm còn phải gắng gỏi, chung sức mà gột rửa cho văn minh cái vết nhơ ấy. Chớ lại theo vào ư? Đò thủng ta còn bám vào, bản phẩm cách ta, phá cái lạc thú của trời đất cho ta vốn vì bụng hiếu sinh.

Thấy người đàn bà ta hãy nhớ đến mẹ ta.

Thấy người đàn bà ta hãy nhớ đến công cù lao của mẹ ta, ta tưởng đến chị ta, em ta rồi ta cố giữ lấy trong sạch, đợi cái ngày ta có đôi bạn.

Tự nhiên, thật thế, tuổi đang lớn, khí huyết đầy đủ, ai là chẳng nghĩ đến chuyện tình. Rồi mê mãi vì tình, say đắm với tình, cho đến khóc vì tình, chết vì tình.

Cái tuổi mười tám hai mươi, tươi đẹp nhất trong đời người, hiểu được tình thì biết được ái tình; mê vì tình thì chỉ ngã theo dâm tình thôi. Giọt nước mắt khóc vì người tình có đâu bằng giọt nước mắt giở trên một trang thanh sử. Chết vì tình có đâu bằng sống với một mục đích cao xa, theo đuổi mãi mãi.

Cái tuổi đẹp nhất trong đời, cái tuổi quý nhất trong đời, mà ta đại dột thì một khắc có thể làm ra một khắc ác nghiệt, kết quả một cách ác nghiệt cái tương lai mình, chôn hy vọng mình, theo đuổi mà làm hại mãi nòi giống mình cho đến ngày tuyệt diệt.

Vì, anh muốn biết không, cái kết quả ghê gớm của cái làm một lúc.

Các bệnh hoa liễu nó theo ngay bệnh Tề Tuyên.

Riêng một bệnh tim la giết chết một số người ngang với bệnh lao, làm hại một số con cháu to hơn bệnh lao nhiều. Ở nước Pháp, người ta biết vệ sinh hơn mình mà mỗi năm tim la giết chết đến bốn vạn mạng, gây ra sáu vạn nạn tiêu sản, cộng là mười vạn mạng tất cả.

Nhiều thanh niên coi thường bệnh lậu, dám bảo rằng làm trai phải thế. Ấy vì bệnh ấy mà đẻ con mù, vợ bị mủ, mình tuyệt tự đấy.

Bệnh tim la có cái ác là mắc phải nhiều khi không biết, biết mà chữa rồi hay uống thuốc láo cũng hình như khỏi. Thế rồi mười hay hai mươi năm sau, bất thình lình tẹt mũi, khoèo chân, phát điên, chết bất thình lình. Trong lúc mình tưởng mình vô bệnh thì không biết tại sao mà hữu sinh vô dưỡng, vì một trăm trẻ sơ sinh chết, thì 75 đứa vì nọc tim la, tim la truyền. Còn

những đứa sống sót thì sống khổ, sống sở, thông minh rồi bất thành linh hóa ngu ngốc, hay ốm yếu, lảm bệnh, chết non.

Một người mắc bệnh là một nhà mắc. Một nhà bị nạn tiêu diệt có thể đến được. Một nước yếu đi vì cỡ ấy, vì ít người đẽ, vì lảm người ốm phải chữa ở nhà thương, vì lảm người rồ dại phải nhốt ở nhà điên, vì nhiều người không đủ sức hoạt động.

Ghê chưa những tai hại của một lúc nhảm.

Mà nhịn không khó gì. Không những nhịn không hại lại còn có ích cho trí khôn, cho sức khỏe. Đừng đọc sách nhảm, đừng nghe âm nhạc ủy mị, đừng nằm đệm êm, đừng ăn quá, đừng dùng nhiều đồ gia vị, tránh những bạn hư hỏng, sợ những lúc nhảm hạ quá.

Thuốc: *Làm cho nhọc xác.*

Giữ cho tâm hồn cao thượng.

Đạo lý.

THUỐC PHIỆN

Bảo rằng vì cái thơm cái ngon của nó mà người ta yêu thuốc phiện thì thật là không đúng. Đích thực là vì rờm mà mắc vào cái cạm giết người. Trước còn ăn chơi cho nó lịch sự, nó ra người lãng mạn, nó ra vẻ văn nhân, một hạng văn nhân tìm thơ trong những chỗ tối tăm. Thật chỉ vì tội rờm.

Trong một năm đầu thuốc phiện nịnh người cho những cơn chuẩn choáng mà bọn thích làm ra chuẩn choáng coi là những phút thần tiên, những cơn điên rồ nảy ra những thần tứ. Thế rồi những nhà viết văn ốm được đất những khách thích văn ốm, tưởng rằng văn chương là thế, lại càng hút thêm.

Cho đến lúc mắc nghiện rồi thì chỉ thấy đói hút thôi, không còn chệnh choáng nữa.

Cái hại thuốc phiện này ở nước ta đã to lảm. Trong những làng đầu sông ngọn nguồn, buôn xuôi bán ngược, có lảm chỗ có đến 90 phần trăm mắc nghiện. Mĩa mai chưa, khi các bà bảo: các ông nghiện để giữ nhà.

Nhiều miền hể có việc ở nhà nào là thằng mỗ phải dùng quang gánh để chở bàn đèn đến nhà ấy.

Ở tỉnh thành, học trò đi trọ cùng những anh tập viết văn là những môi rất ngon của tiệm hút.

Vào những nhà bào chế mua một ly thuốc phiện cũng phải đơn thầy thuốc. Xem thế thì phải ngăn ngừa cái độc ấy đến thế nào. Có sao lại tự ý dùng thuốc độc mà mỗi ngày tự tử một ít, cho đến khi hết tiền, hết đất, làm khổ vợ con cùng cực rồi chết.

Hại cho xác thịt, hại cho nòi giống, còn đau đớn hơn nữa, thuốc phiện là thuốc giết chí khí.

Cái nổi nước Tàu yếu ốm trong bao lâu, một phần lớn là bị người ta rử hút thuốc phiện.

Trương Quang Ngọc bán vua cũng vì hộp thuốc phiện.

Rượu đối với chúng ta chưa đến nổi nào. Nhưng cũng coi chừng đấy. Trong lý lịch của rượu đã ghi sự tiêu diệt của mấy nòi giống rồi, "Ép nhau chén rượu, đó là thói quen làm của kẻ tiểu nhân".

Ngoài bệnh tim la lại đáng sợ nữa là bệnh lao. Tám mươi phần trăm người chết bệnh lao là tay nghiện rượu hay là dòng dõi các ông nghiện rượu.

Những người ăn uống thiếu thốn, ở nhà bẩn thỉu, chật hẹp là đáng sợ bệnh ấy.

Những sinh viên, không tập cho khoẻ sức mà học quá là chết vì bệnh ấy.

Vậy chống với bệnh lao không gì bằng làm cho mình khoẻ.

Các nhà lực sĩ hay phường kèn, không có tập luyện thể dục trước lại chỉ dùng sức, dùng tài quá hay luyện quá, nên sợ bệnh ấy. Làm thể thao mà thiên về tranh đấu, ngày thường ít tập, đến lúc gần đấu và trong khi đấu dùng sức nhiều quá, sau khi thi đấu lại khao hào quá thì khó mà tránh được lao.

Mắc bệnh lao thực ra cũng dễ khỏi, nếu sớm liệu: theo vệ sinh, ăn đủ và ở nhà quê. Mắc rồi mà còn cố thì không sao cứu được.

"Mình mấy tóc da, là của cha mẹ để lại cho, chớ có để cho hủy thương". Chớ hủy thương không phải là chớ cắt móng tay, chớ cạo đầu. Đó là giữ mình cho cân, chớ để què gầy tàn tật, chớ để cho mang bệnh hoạn.

SỐNG CÓ MỤC ĐÍCH

Rượu nguy, thuốc phiện nguy.

Nhưng nguy nhất là sống không có mục đích.

Sáng dậy điểm tâm ở gánh phở đầu phố, vào làm trong sở cho qua giờ, về ăn cơm rồi ngủ trưa, làm buổi nữa, ăn bữa nữa, rồi tổ tôm, rồi xem hát hay chớp ảnh, ăn đêm. Sáu ngày đều đều như thế, chủ nhật: cuộc chơi đặc biệt, cá ngựa.

Việc mình làm không thể yêu được, còn thời giờ lại phải đem "giết" đi. Cuộc đời như thế thực là đáng thương.

Rồi qua tháng này đến tháng khác, hết năm trước đến năm sau. Cuộc đời dài dằng dặc, dài ghê. Không giải thoát được bằng rượu, bằng thuốc phiện, bằng bệnh, thì rồi đến cái buổi đáng sợ, lúc hưu trí, quen tiêu nhiều rồi, giờ phải tiêu ít, quen chơi nhiều rồi, giờ không còn sức, không còn tiền mà chơi được nữa. Nhìn cái chết nó chưa đến như ngấm ngàn dặm sa mạc, không có một chỗ nào có chòm cây bóng mát để nghỉ cái linh hồn, đau khổ nhất là chán nản.

Nếu giữa con đường dài và ảm đạm ấy tinh thần có lúc tỉnh táo được, bạ chuyện huyền hoặc nào cũng nghe, tưởng là thoát được khỏi vòng thường, nhưng lại càng đáng thương bao nhiêu. Óc đã không tìm tòi, chí lại không mạnh mẽ, sao biết được sự thực, cho nên nổi mê tín quàng xiên.

Thành ra một đời dài, dài mà không từng sống, một đồng tuổi mà chết dần chết mòn, chết từ ngày chưa sống tí tị nào.

Kịch bi thảm nào bằng.

Cũng có người, nóng thì ngồi dưới quạt máy, lạnh thì nằm trên đệm bông, ngày năm ba bữa, áo đủ mùi, đi ra thì lên xe, xuống kiệu, ở nhà thì kẻ dạ người hầu, mà rút cục chữ sống cũng chỉ có cái nghĩa vật chất của nó thôi.

Cũng có người cũng có cái cảm tưởng là sống thực, vì đã lên trên một kịch trường, vì đã hoạt động, vì đã nói năng, nhưng rồi nghĩ cho kỹ vẫn làm một cái bánh xe bị quay, một cái chuông bị giật, mục đích sai lầm, trước còn tỉnh biết, sau cũng tự an ủi, tự mê.

Cũng có kẻ sống say mê với hát, với đàn, với nhảy múa, với chơi bời. Rồi một lúc tỉnh, cuộc đời rộn rạc, cái chán nản không thể ngăn được cái giá trị nhỏ nhìn tưởng là to, mà cầu cứu ở chén thuốc hay dòng sông.

Đã đáng buồn, đã phí bao nhiêu mạng vô dụng.

Ấy thế mà, một cái hy vọng lớn, một cái mục đích cao, một lòng yêu, một nỗi giận, đủ cho cả một đời rộng tuếch, một cái gân, một nhẽ để sống đây.

Việc quan trọng của một đời ta không phải là ở chỗ nhà cao cửa rộng, vợ đẹp con khôn.

Nếu chúng ta tìm được một việc mà làm, một tôn chỉ mà theo, một mục đích mà đi tới, thì cái đời chúng ta có ý nghĩa, cái đời đáng sống. Như thế trên đời này, ngựa không thẹn với giới, cúi không thẹn với đất, mở mắt nhìn người không phải cúi đầu. Chúng ta để hết lòng hết chí, ta làm việc ta, rồi ngày mai, hay một hôm nào đó, chết, ta có thể chết mà vẫn mỉm cười một cách thỏa mãn, chết không còn nỗi tiếc gì nữa.

Sống đã có nghĩa thì rồi chết cũng có nghĩa.

SẮP SẴN

Đời ta, ta quyết làm cho nó một ý nghĩa

Ta hãy xem thử gân sức, xem thử gan óc mình, với cái chí mình, liệu có làm được không?

Ta phải "sắp sẵn" mới được.

Ta phải sắp sẵn để lúc cần ra, lúc có thể làm được, ta phải ra tay và kê vai vào gánh vác việc đời.

"Sắp sẵn" những gì?

Cái xác thịt ta đủ sức chưa? Mặt mày này với phong sương đã đủ giải dầu chưa? Hay mưa còn run, giá còn cảm. Tay có nhắc nổi, có nhanh nhẹn không? Chân có kéo xa được không? Quả tim buồng phổi liệu có chịu đựng được những lúc cố gắng không? Hay là rút cục, lại phải lấy câu "lực bất tòng tâm" mà tự mình an ủi.

Cái học của ta đã đến bậc "biết" chưa? Lúc tuổi thơ đã quen xem xét chưa? Nếu chưa, bây giờ đã cố bù, cố gỡ được phần nào? Bây giờ còn học, còn tập nữa thôi, hay cho thế là đủ rồi. Cái học của mình có phải là học bền vững không? Có học cho hiểu, cho biết không, hay là chỉ khu khu buộc mình vào chỗ cơm gạo.

Mình có những tài gì? Đã luyện cho nó quen chưa? Có tập cho nó cao hơn không?

Đã nghiêm khắc mà tự mình xét mình chưa?

Đã xét cho biết người chưa? Người quanh mình, người cùng nước, người thiên hạ.

Đã làm chưa, cái việc cốt yếu là đọc sử, cuốn gia phả quý báu. Có ngẫm nghĩ đến việc cũ mới biết những sức đã mằm mống, nuôi ở trong óc, trong lòng mình.

Thế rồi định chí. Việc ấy đã làm chưa? Tỉnh táo mà xét, thẳng thắn mà xoay cho đúng hướng, chí mình đã định rồi thì mài miết theo đuổi.

Thân mình khỏe để làm, học thức nhiều để dùng, tài năng cao để khôn xếp, nhận xét rõ để đỡ nhầm. Bao nhiêu thứ dùng cả để đạt được cái chí.

KHỎE ĐÃ!

Thân lươn nếu chịu ép một bề thì cũng bắt chước những người yếu, người hèn mà chép miệng thở dài: "thôi, giờ đã sinh ra cái thân yếu thì đành vậy, chớ làm thế nào?"

Nhưng, "khỏe thì làm thầy của xác mình, yếu thì làm đầy tớ nó". Lu Thoa nói thế mà thật, chẳng trái ngược gì cả. Mình khỏe, muốn đem xác mình đến chỗ nguy hiểm bậc nào mà nó chẳng nghe. Yếu thì đành phải hầu nó, kiếm mấy người nữa mà nâng giắc nó. Nó đau, nó ốm những chăm nom cho nó mà đủ khổ. Mà động muốn đi xa một tí là chân nó những muốn gãy. Muốn làm việc nhọc, ngực nó không kịp thở. Có khổ gì bằng: muốn làm mà đành phải buộc gối bó tay.

Mà đừng có đổ lỗi cho các cụ ta chẳng chịu vận động cho nên nổi. Chương trình học từ đời xưa chả có những khoa cưỡi xe bắn cung đó ư?

Ông Khổng lúc nào cũng đeo gươm. Thầy lang Biển Thước vẫn bảo: "người ta phải vận động, nhảy nhót thì thân thể mới khỏe mạnh, thư thái". Nước ta làm quan to như ông Lê Tuấn Mậu còn đóng khổ đi vật, quan nghề Đinh Công Cưu vẫn đá cầu giữa triều đình. Phạm Ngũ Lão nhảy gò cao như chơi. Phạm Tử Nghi đánh gậy, con đường Thiên Lô, bến Niệm Hải Phòng, còn giệp xuống đó.

Lại cũng chớ đồ lỗi là ăn không có thịt, uống không có rượu vang. Minh yếu, chỉ tại mình cả.

Phải tập cho:

Khỏe mình,

Dai sức,

Dạn nắng gió.

Gan.

Khỏe là có sức mà không ốm, làm việc không vì thiếu sức mà phải bỏ, lúc nào trong mình cũng điều hòa, vui tươi, dùng đến sức là có ngay, đã làm là chắc được, không ngại ở chỗ nhưc đầu, số mũi, hay là thận hư, "đau tim" cái bệnh cao quý. Khỏe là nhắc được nặng, đi được nhanh, nhảy và leo trèo được cao,

Không những có sức, lại phải giữ sức nữa. Có thể thì làm việc mới đến nơi đến chốn, không bỏ dở. Muốn như thế thì không những phổi phải mạnh, máu chạy tốt mà ai còn phải chịu nặng nhọc quen.

Lại phải dạn dầy. Đi nắng mà nhưc đầu, ra lạnh mà khản cổ, rét hay run, đói khát không chịu được, thì khó bàn được đến chuyên làm.

Có ba thứ mà thiếu chí cũng hỏng. Chí thuộc về tâm hồn, mạnh ở từng trải, nhưng một phần lớn cũng do ở thân thể. Người yếu mà có chí vẫn là ít có.

Trông nom luyện tập thế nào?

Phải theo phép vệ sinh đã.

Hãy ngồi ngoài sân, ngoài vườn hơn là ở phòng đóng kín cửa. Như thế thì không khí hít vào được thứ trong sạch, có sức mạnh của trời đất. Đi nắng cho quen. Tóc sinh ra không phải là để cạo hẵn đi. Phải để cho đủ che

đầu. Quần áo cũng chẳng nên kín lắm. Bó mấy lần áo, đóng quần kín mít đến gót, bàn chân còn đem gói giò, cổ lại đánh một cái đai chặt chẽ, thế thì không khí còn vào chỗ nào để cho da thở, nắng còn vào chỗ nào cho máu chu lưu; khăn quàng làm yếu cổ, bít tất làm mềm tay, kính rợp bịt lấy mắt cho vi trùng tự do đục. Uống trong ít không đủ rửa ruột, tắm ngoài không đủ tráng da, nguy mất.

Ngày nào cũng nên tắm, mà tắm nước lã, cả mùa rét nữa, vừa để sạch vừa để cho mát, vừa quen lạnh. Nước nóng thì dám bảy hôm dùng một lần cho tan ghét.

Ăn uống đơn sơ, vừa đủ, nhai kỹ. Đã nói ở trên.

Về tình dục thì rất nên tiết độ. Sức phí đi không lấy lại được. Việc đó không những quan hệ tới luân lý với linh hồn mà lại liên lạc lớn với sức khỏe, với nòi giống. Sức người chỉ có hạn. Khi hại, hại đến cả con cháu.....

Cả đến bộ thần kinh cũng rất cần vệ sinh. Đừng ở những chỗ ồn ào xe ngựa. Đêm ngủ phải cho đủ nghỉ, tùy theo khỏe yếu mà ít nhiều. Đừng để đến nỗi ngủ gật hay ngái ngủ. Nhà hát, nhà chớp bóng nhốt người vào buồng kín rồi đánh trống thổi kèn cho dinh tai, nhảy múa lộn bậy cho quáng mắt, thán khí ở năm trăm cuống họng thở ra mà đủ ngạt. Những chỗ ấy không phải là chỗ nghỉ ngơi sau một ngày khó nhọc.

Phép tu dưỡng đại khái chỉ thế.

Khoẻ

Muốn mưu đồ việc gì cũng phải khỏe, phải mạnh mới mong thành công được. Ai cũng biết thế.

Ông Hébert, người dạy phép tự nhiên nói rằng: "ta phải khỏe. Kẻ yếu là đồ vô dụng, đồ hèn".

Ai cũng muốn sung sức để làm việc, để phụng sự cái tôn chỉ của mình. Vì thế mà người ta có bốn phận tập luyện thân thể cũng như bốn phận luân lý vậy. Còn hơn nữa, không có sức thì sao mà làm trọn được bốn phận luân lý. Gặp lúc nguy nan thì chỉ có chắc được ở tay chân mình thôi.

Không chạy, không nhảy, không ném, không leo, không bơi, không đánh đỡ được thì hỏng.

Thế nào là "người khỏe", là người lúc nào cũng sẵn sàng mà chống đỡ được các việc xảy ra. Người khỏe phải "bền" sức; sức muốn bền thì ngực và tim phải tốt. Người khỏe phải có "bắp thịt", bắp thịt dùng được chứ không phải bắp thịt béo. Phải "khéo tay", khéo là do ở tập luyện. Có khéo thì mới dùng được bắp thịt của mình. Người khỏe phải "nhanh". Lại phải có can đảm, bền chí, tinh táo, chịu khó.

Phương pháp nào mà đem lại được cả những đức về sức lực và tinh thần ấy.

Phương pháp tự nhiên

Con chim phải bay, con ngựa phải chạy. Người ta phải đi, chạy, nhảy, chèo, bơi, ném, chống đỡ. Vậy sẽ luyện tập các môn ấy, vừa luyện tập vừa theo vệ sinh trong và ngoài, vừa ăn uống vừa phải đơn sơ vừa điều độ, vừa tiết dục.

Có sân vận động càng tốt, không có cũng không sao. Người ta phải rong ruổi trên đường đời, dùng ngay cánh đồng, đồi núi, sân trại, chòm cây mà tập mới tự nhiên, sẵn sàng mà không xa sự thực.

Sáng dậy, trong phổi có nhiều hơi độc, hãy thở ra ngoài mà thở đều đều, thở thật sâu cho độc hết phổi ra, khí huyết không chạy đều cũng cần dúng tay vào nước và xát khắp mình mẩy.

Thế rồi đi, đi lên, đi lui, đi rón rén, đi cúi mình, đi bốn chân.

Leo lên cây, lên cột, lên sợi dây.

Nhảy qua rãnh, qua ngòi, qua cái ghế, bụi cây, bờ rào.

Ném xa, ném trứng. Ngày nào cũng tập thì tiến bộ trông thấy. Nhiều khi thoát hiểm bằng môn ném.

Mang thúng đất, đội; cõng người.

Chạy chậm, nhanh, bất thành linh dừng lại.

Đấu sức, xô nhau hay đánh quyền.

Cứ phỏng như vậy mà tập dù ở trong buồng gần một cửa sổ cũng có thể, ngoài sân ngoài vườn càng hay.

Ở phương Đông ta cũng có nhiều cách luyện tập mà lối tốt hơn cả là quyền học. Nhưng khó nhất là tìm được thầy. Những người có thể hạn cho ta một trăm ngày, sáu tháng hay một năm mà giỏi được, đích là lừa ta đó. Những người có thể mặc cả với ta về công xá lại đáng ngờ lắm nữa, vì người có học văn cao thế nào, thì võ cũng vậy, tất nhiên phải có nhân phẩm. Tìm được thầy có cái học nguồn gốc, có thể dạy mình từ biết thịt biết xương, biết cách cử động cho thuận tay chân, thật là khó. Có thầy đi đủ được chí để theo học được đến nơi lại khó nữa. Nhưng đã học được rồi thì ngoài cái thú thanh cao về học lại còn được hy vọng đem thân mình gửi vào một việc mà những sức vóc tầm thường không dám làm.

Nói tóm lại, luyện tập có hai đường.

Phép Tây bao nhiêu người đều nên theo cả. Dù rằng thành công, không ở chỗ thực mạnh thực biết, nhưng dễ đến bậc khoẻ. Phép Đông thì cần chí hơn nhiều, hy vọng cũng lớn hơn, nhưng không phải ai cũng có thể đến được.

Cây bảo kiếm quý ba trăm lần rèn. Không luyện sao thành thanh kiếm tốt.

Cần nhớ:

Tập cho vừa phải. Tập xong mà hơi mệt là được.

Ví dụ tập 45 phút thì các môn tập cứ nặng dần cho đến phút 30, rồi lại nhẹ dần cho đến khi hết.

Cách tập phải nhẹ sau mỗi lúc tập nặng, Ví dụ chạy rồi thì đừng nhảy vọt, hãy ném, trèo, hay mang xách.

Nên tập những thứ hơi nguy hiểm một tí cho quen, đỡ sợ, và cho đỡ chóng mặt: đi trên tường thấp, trên đằm, nhảy trên tường xuống.

Các môn tập nên thay đổi luôn. Không nên tập mãi một kiểu.

Một cách tập tốt là hợp mười anh em dự một cuộc săn bò tót. Một tay khá đóng vai bò tót. Rồi chạy, rồi trốn, trèo sườn đồi, xuống dốc, leo cây, dò xem vết chân, nhảy qua ngòi. Tập được đủ thứ mà vui vẻ. Tập vui dễ khoẻ hơn là tập buồn.

Bơi

Bơi để thoát thân, để cứu người.

Vậy tập sao cho dạn nước, tập nhảy xuống dưới tập bơi khi có cả quần áo. Tập cởi giày dưới nước. Bơi một tay còn một tay cặp dù người. Tập cứu người.

Biết đủ cách làm cho người bị chết đuối lại thở được. Hô hấp nhân tạo.

Đo sức

Người bình thường ít ra cũng:

Chạy 500m trong 1'40"

Nhảy cao có đà: mỗi chân nhảy được một mét.

Nhảy xa có đà: mỗi chân 3m50.

Leo thừng 5m, không dùng chân.

Ném tạ 7kg250, mỗi tay xa 5m50

Cử tạ 40 kg được một lần.

Bơi 100 mét hết 3'.

Lặn lâu 10''

CHỊU KHỔ.

Chịu cực cho quen. Thật dễ hiểu lắm.

Nhưng đối với những tâm hồn mạnh mẽ thì cực nhọc hình như là cái thích của họ. Thích chịu cực đó là cái đặc tính của những người làm được.

Có thể sai bảo người được, mà tự mình đi làm. Sẵn xe, có tàu, nhưng đi chân cho biết, xem có mệt không... xem mệt đến đâu. Cùng ai khiêng vác đồ gì, nhận lấy góc nặng nhất, người ta chiếm mất phần danh dự ấy, mình lấy làm khó chịu lắm. Cùng làm việc với người ta, phần khó nhất giữ cho mình, coi như là mình có quyền giữ lấy.

Đi chùa Hương mà ngồi kiệu, đường gập gềnh ra mình không được nếm. Một cuộc du lịch mà không có gió bụi hình như không có vị gì. Cùng bạn đi một con đường trơn và giốc, mình đã phải vất vả điêu đứng, gập bạn còn được câu chuyện mà nói: Anh nhỉ, cái đường đi hôm ấy, hôm nọ... Nếu đường phẳng, gió xuôi thì còn nói chuyện gì. Người đời vẫn tưởng những

chuyện vui thì nhớ lâu; thực ra những nỗi khó nhọc mình mới nhớ dai, vì mình đã phải đem gan sức ra mà thử.

Bể dội sóng, đường bụi bặm, trận mưa bão, bãi cát trắng, hay là đỉnh núi cao, khu rừng thẳm, một bãi tha ma, một tòa thành đổ những cái đó có duyên với người tráng sĩ. Sóng cả thích ở cái thú vượt qua, gió to thú ở đứng vững, trận mưa lớn thú ở không sợ rét, bãi cát trắng thú ở những nỗi xa xăm. Núi cao thú ở trèo, rừng thẳm thú tìm đường, bãi tha ma nói câu chuyện kim tích, bức thành đổ nẩy lòng muốn phù chì.

Ăn no, rồi ngủ kỹ, cái kiếp ấy không chịu nổi.

TRONG SẠCH.

Mấy anh em ngồi than vãn cùng nhau về cái nỗi "tham" nó đã tràn ngập nhiều hạng người trong xã hội.

Một anh đi buôn kê khổ về những khoản "trà thủy" phải đưa.

Một anh em than phải "vi thiêng" trong một việc dính đến mình.

Câu chuyện "hoa hồng" làm chua xót anh nọ.

Đến cái "phong bì" làm cho gia đình kia túng thiếu.

Chỉ "tiền xe" cũng chết anh ấy.

Khoản "quà" cũng chết nữa.

Bao nhiêu chữ lẽ phép, lịch sự, cũng dùng để chỉ mỗi việc nó là "tiền đút". Những người "đút tiền" nhiều, những người muốn hay đòi "ăn đút" cũng nhiều quá.

Đút tiền cho nó đỡ bận đến mình, đút tiền cho nó xong chuyện. Đút tiền, vì nó là tiện hơn nhất. Đút tiền thì qua được nhiều nỗi khó khăn, đút tiền được dễ dãi nhiều thứ.

Nhận cho kỹ, kẻ đút tiền dù được dễ dàng, vẫn không sao tránh được tiếng hèn. Kẻ ăn đút, dù ở vào bề thế nào cũng vẫn là bị đồng tiền hay món quà của người ta sai khiến.

Mỗi người kể một chuyện, mỗi người có một thí dụ.....

Một anh đi xa về nói rằng chỗ ấy cũng thế, chỗ nọ cũng thế. Một anh quen biết nhiều lại chêm thêm: Người nọ cũng thế, người kia cũng thế

.....

Nhưng mà... để cho nó tràn mà hụp đi thì nó ngập hết. Chỉ một mớ đất cứng nổi lên là rêu mọc ra, bèo bám vào, đất tụ lại, có thể làm cái đảo muôn vàn năm được.

Dù chỉ còn có một người trong sạch, ta quyết làm người trong sạch ấy, là vì trong sạch mà thiệt thòi, dù trong sạch mà đói khổ, cũng chỉ thiệt chỉ đói cái xác ta thôi. Tâm hồn ta vẫn thanh thoi, vẫn sung sướng được là tâm hồn trong sạch.

Cơn gió mạnh trong sạch nổi lên được thì các cơn khác yếu hơn có thể phụ vào mà thành ra trận gió lớn quét sạch được bụi tham bĩ đi.

Nên ghi rằng: Biếu người ta là làm bản cái tiết của người ta. Nhận của người ta là làm đục cái trong của mình.

ĐỨC NGHÈO

Người ta chỉ than nghèo. Mấy ai đã suy xét về sự nghèo. Thế mà nghèo quả có giá trị của một đức tốt.

Vì nghèo mà phải làm lụng, phải vận động, sức được mạnh.

Vì nghèo, ăn uống đơn sơ nên ít bệnh; có bệnh cũng dễ chữa.

Đã nghèo thì ăn mặc tầm thường, không vì đồ trang sức mà vương tai nạn; không đến nỗi vì sợ lấm áo mà bỏ mất việc.

Không ai giữ nhà tốt bằng nghèo, nghèo không bận trí vì phải canh giữ, giấc ngủ không phải cắt đứt vì thức nhắc.

Nghèo thì ít bạn, nhưng được bạn chân thật bạn của mình, bạn chí mình, chớ không phải bạn của tấm áo quần mình mang.

Nghèo không mất tự do; chịu thiếu quen thì không sợ người ta đem ăn mặc mà trói buộc mình, bắt mình làm trái với lương tâm mình.

Tiền bạc không bận mình thì đi hay ở là do nơi mình, có thể giữ được phẩm cách người quân tử: "ăn không cầu no, ở không cầu yên".

Nghèo thì gần được "thiên nhiên", "sống thiên nhiên", không bị vật chất làm sai được bản tính. Đã ở dưới quyền vật chất thì yếu sức mình, mà liêm sỉ cũng khó giữ được nữa.

Đi không phải xe, ngựa, đi xa không có khó gì? Ăn không cá thịt, ăn đã không phải là một việc phải lo lắng, có đủ thời giờ mà suy nghĩ về cái nghĩa đời người, Mạn sương, đệm cỏ cũng đủ ngủ được, giường chiếu, êm ấm có cần gì. Đã biết thế thời lợi không thể đem ra mà giữ được mình, vàng không thể dùng để sai khiến mình. Mình giữ vững được "chí", mạnh được khí.

"Nghèo" quả là một "đức",

GIÀU.

Không tiền làm gì được. Thế mà có cái gì mà một chí mạnh mẽ không làm được.

Bắt đầu chỉ một chén trà thơm, rồi cùng đến một chén rượu ngon và ngọt. Ngồi trên xe kéo thấy dễ chịu mà rồi phải có cỗ xe máy hơi.

Đã cho trà thơm là ngon, đã biết ngồi xe là sướng, con đường cứ sâu mãi mãi. Rồi không chén nước nào ngon đủ nữa, rồi không cỗ xe nào sang đủ nữa. Vì lòng dục thả rộng rồi. Mà "nhân-dục-vô-nhai". Đến nỗi thấy rằng rượu ngon không có là đời không có vị, đến nỗi không nhảy múa là đời không đủ say mê, không xem chớp bóng là đời nhiều chỗ rộng, thì hỏng dễ lắm: thiếu một thứ không chịu nổi nữa. Đời đã là đời của lòng "dục" rồi. Nước lã có một vị; rượu thì vô số mùi, đi chân chỉ có một lối mà xe bao nhiêu hạng.

Trong một nước từ trên đến dưới đã ganh vì lợi cả, cơ tan nát tránh sao được. Tất cả những người đến nỗi quên liêm sỉ, muối được mặt mà làm những điều đê tiện, chỉ vì lợi đó thôi. Sử đời này đã có bao nhiêu đoạn đau đớn vì lòng dục thả theo lợi. Tiền đã mua được bao nhiêu lương tâm.

Người ta nói rằng "danh với lợi là hai cái bả". Xem tình trạng bây giờ thì "danh" cũng ít ai chuốc lấy nữa, chỉ còn một cái lợi thôi.

.....
.....
"Giàu" chẳng đáng sợ lắm sao?

HIỂU RÕ:

YÊU.

Người ta nói về yêu, chỉ thấy:

- Mợ ơi, mợ đẹp nhất đời, tôi "yêu" mợ!

- Tôi "yêu" phong cảnh này quá!

Cả đến: tôi yêu cái nếp áo này vô ngần.

Yêu một sắc đẹp, một cảnh đẹp, yêu một đồ trang sức đẹp, sao bằng yêu cái đẹp của đạo lý. Khóc người nhân tình một buổi trời xuân sao bằng rửa nước mắt trên một trang quốc sử khi đọc những hành vi của một vị nghĩa sĩ, một bậc anh hùng.

Có cái yêu người ta tan lòng, nát ruột mà sinh ra mê man, sinh ra chán nản. Có cái yêu người ta nhức lòng hời dạ, đứng được dậy, làm được việc; kê vào vai mà nghiêng ngửa được vạc ngàn cân, yêu mà để cả thân thể vào một việc.

Cũng là yêu, mà mạnh mẽ thay cái yêu của người chí sĩ.

GHÉT, GIẬN.

Ghét một người láng giềng hay nói, ghét một màu áo, màu tường không vừa ý mình, giận một nỗi bực mình, giận một người bạn đã bỏ dở cuộc chơi với mình. Đó là cái ghét, giận của da của thịt.

Sao bằng ghét những điều ô trọc, ghét những truyện lọc lừa, ghét những kẻ đê tiện, ghét những phường gian ngoan.

Đặng Dung vượt ngục thờ dài, giận mình nỗi bạc đầu chưa trọn việc. Nguyễn Trãi nhìn theo Ai Bắc giận người ác độc chí thêm già.

Cũng là ghét, cũng là giận.

SÓNG

Trên bãi bể Sầm Sơn cập Khôi - Huệ đã "sống" những ngày tươi thắm!

Dưới cặp mắt thùy my của Thảo, Úc đã "sống" những phút ngây ngất.
Ở tiệm nhảy Sao Chổi một thế hệ đã sống những khắc thần tiên.

Cả đến:

Gia đình son trẻ ấy đã "sống" một cách đầy đủ.

Hay là bộ Tam Phong của hội H.O.L.A.O đã "sống" những chớp mắt oanh liệt.

Mà luôn cả: Ông Hàn Ý đã "sống" một cuộc đời đầy hạnh phúc.

Chữ "sống" dùng trong bấy nhiêu đoạn có phải là ở cái nghĩa mà ta phải cho nó không? Sống như thế có phải là "sống" không, hay là tươi thắm đã nhạt màu, cơn ngây ngất đã hết, tiền đã cạn, sức đã cùng, phong vị tầm thường đã nhạt nhẽo quá, thì đem ngay vào cỗ săng, cắt ngay đến chén cay đắng, đâm ngay xuống dòng nước chảy xuôi.

Chúng ta có thể hiểu chữ "sống" như thế không? Để cái thích ở lòng dục, ở xác thịt, ở sự tầm thường thì sống có gọi là sống không? Có đủ nghĩa không?

Đối với chúng ta, sống hãy là hoạt động đã. Bởi vì chỉ có chết mới nằm yên thôi. Sống là làm một việc, theo đuổi một mục đích, trước khi chết không nghỉ phút nào, không dừng bước nào, sống là làm cho đời mình tươi thắm vì lòng nhân ái, vì những điều nghĩa làm được, ngây ngất khi theo đuổi cái đích xa xôi, tự cho là thần tiên tuy rằng đằng vật dục trăm đường thiếu thốn, chỉ khi nào thắng được lòng xấu xa của mình đem lại được yên vui cho người, mới gọi là oanh liệt thôi.

Khi hai tay buông xuôi, không còn nổi gì đáng tiếc, thế là sống đã đầy đủ.

Lại cũng có giết thân để thành nhân, bỏ mình vì làm nghĩa, vì dân, vì nước mà chết, thì cái chết không khác nghĩa cái sống một mây may nào.

"Chết" lại hóa ra "sống".

Chớ như sống mà nghe việc nhân không hiểu, thấy việc nghĩa không động, lòng không có một tấm yêu, chí không có một mục đích, cảnh xác vẫn còn, mà tâm tư đã chết, thì sống đó mà thực đã "chết" rồi.

SÓNG PHẤN ĐÁU

Ta quyết phải tìm một lẽ sống, một cách sống. Sống một cách phấn đấu.

"Mạnh sống, yếu chết" nói mãi hóa nhàm, câu ấy đã thành ra câu vắn, đọc đến không thấy cảm gì nữa, không thấy mạnh tý nào.

Không thể sống theo nhờ trời được nữa, chậm kén chọn một cách sống lúc nào là mất cái hy vọng từng ấy.

Ngâm nga một vài vần thơ có thể hả lòng hay khoan khoái trong một lúc, ru ngủ trong chốc lát mỗi lo sợ. Rượu có thể làm cho người ta chệnh choáng mà quên đời. Câu hát nhịp đàn cũng vui được đó. Nhưng mà ngủ có giấc, mê rồi tỉnh, vui hờ hững phải hết. Tỉnh rồi, ngắm thấy việc mình có ra gì, thân thể mình rồi có ý nghĩa gì không. Sau cơn mê, giấc mộng, vẫn không hơn cũ.

Buồn về nỗi mình, nhưng không muốn cho buồn tới chết thì phải sống. Không thể hững hờ coi đời mình như việc thiên hạ, cháy nhà hàng tổng. Phải tìm ra một việc, rồi định chí làm, làm đến cùng.

Tháng tháng có ít tiền, kẻ cũng sống yên được, roi vọt không lâm đến thân mình, kẻ cũng sống nhàn được. Nhưng cái thân đã cho là yên là nhàn, thì còn muốn gì nữa. Đã không muốn thì làm gì? Vì vậy mà người xưa một ngày ba lần như một ông thầy nghiêm xét việc mình, vì vậy là ăn không cần no, ở không cần yên

.....
.....
.....

Chí phải nuôi luôn như thế.

Việc đã định rồi thì một lúc không thể nghỉ được, tập luyện người cho mạnh, săn sóc công việc cho siêng, việc có thể mượn người làm được không mượn, sức có cách hà tiện được không hà tiện, ở chỗ tạm yên được cũng coi như ở chỗ nguy. Ngồi một mình cũng như lửa bén tới lông mày vậy.

Mùa rét thì dầu với giá lạnh, lúc mưa thì dạn với gió mưa, không để cho tước lộc bản mình không để cho thân gia bản lấy ý nghĩ, lúc nào cũng

chống chọi.

Đời như vậy có cái vị như gừng ớt, sống mạnh, sống không tầm thường.

Sức đem vật lộn, sức vì đó mà tăng, tài đem ra kinh doanh, tài vì đó mà tiến. Chí cứ phấn đấu mãi, chí phải mạnh mẽ làm cho đến lúc việc xong, cho kỳ được.

Phấn đấu phải được. Nếu còn thua ấy là phấn đấu còn chưa đủ sức đẩy thôi.

NHỮNG GIÁ TRỊ CŨ

Khổng Tử nói rằng: "Cái nghĩa tùy thời lớn lắm".

Thời này công việc của chúng ta, lấy hình thức mà xem thì là công việc mới. Nhưng công việc là cái hình ở ngoài, còn cái gốc, cái vốn, thì vẫn là gốc là vốn cũ.

Vậy ta hãy xem cái hương hỏa giáo dục của ta, sẵn cho ta những gì?

Gốc luân lý ta có tám chữ: Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm và si. Ta hãy tìm ra cái nghĩa nguồn gốc của mỗi chữ, mỗi đức tính.

Hiếu: Hiếu là thảo, là thuận, là ăn ở cho thỏa thuận là ăn ở cho thỏa thuận lòng cha mẹ, làm cho cha mẹ được vinh hiển, tôn trọng. Cha mẹ ác nghiệt cùng cực, mà vua Thuấn ở được cha mẹ vui lòng. Khổng Tử khen là đại hiếu. Hiếu là đầu của trăm nét. Không hiếu với cha mẹ ấy là người bỏ đi.

Đễ: Đễ là thảo với anh em, trên hòa, dưới thuận, yêu báu lẫn nhau, kính mến lẫn nhau.

Trung: Trung là ngay, trong lòng ngay thẳng, không thiên tư, sai lạc; ở với vua, với nước, với quan trường, với bạn hữu, ngay thẳng một lòng, dầu hoạn nạn cũng không thay đổi dạ, trung chính như ông Tô Hiến Thành, chết cũng không đổi như Quan Vũ.

Tín: tín là tin, không giận người, không giận mình, bụng nghĩ, miệng nói, việc làm, kính cẩn giữ gìn không sai, không lừa dối, không nuốt lời.

Lễ: lễ là lễ phép, là kính. Kính cẩn giữ mình cho trân trọng nghiêm phép. Khổng Tử dạy: "Không phải lễ chỗ nói, không phải lễ chỗ nhìn, không phải lễ chỗ động". Lễ là để chính mình. Sau này người ta quên dùng theo ý ấy, chỉ biết lấy lễ để thờ người thôi.

Nghĩa: Nghĩa là nghĩa, là công lý, là minh bạch, chính đáng, cương quyết, phải trái. Ở Đào Viên, Lưu, Quan, Trương, ba người lấy nghĩa, công lý mà kết hợp với nhau.

Liêm: Liêm là liêm chính, không tham lam, không lấy của ai phi nghĩa. Dương Chấn đi cây thày vàng ngoảnh đi, không nhìn.

Sĩ: Sĩ là hồi thẹn. Biết hổ thẹn không làm việc phi nghĩa, không ăn của phi nghĩa, không nói lời phi nghĩa, không để cho thân dơ nhục. Hai ông Di, Tề, hổ thẹn thóc của nhà Chu phi nghĩa mà không ăn.

Tám chữ gồm cả đạo làm người.

QUÂN TỬ

Nho giáo dạy cho người ta có cái đạo người quân tử. Quân tử là cái tôn chỉ của giáo dục.

Người quân tử lấy việc "sáng đức sáng của trời đất cho, làm mới dân, đi đến chỗ chí thiện" làm mục đích của mình.

Quân tử ăn ở hòa thuận với mọi người, chỉ trông cậy vào sức mình chớ không chờ sức người giúp, đối với thiên hạ không câu nệ điều gì mà cũng không a-dua theo ý ai, việc gì cũng lấy công nghĩa làm chuẩn đích mà theo, chẳng tranh cạnh với ai hay cùng làm với mọi người mà ghét bè đảng, chỉ lo không làm được đạo; chớ không sợ nghèo, không tham sống mà bỏ đạo, có khi giết mình mà làm cho trọn đạo; ăn cơm rau, uống nước lã gập tay mà làm gỏi, mà vẫn vui vẻ, chớ bắt nghĩa mà được giàu sang thì coi như đám mây bay mà thôi. Quân tử cẩn thận cả lúc ngồi một mình, "việc gì làm cũng kính cẩn". Coi người trong bốn bề như anh em một nhà. Người ta làm đức với mình, lấy đức mà báo lại, người ta gây oán với mình, chỉ lấy thẳng mà ở lại thôi. Khi nghèo người quân tử không bỏ mất nghĩa, khi giàu không

rời đạo ra. Người quân tử phải làm việc công; làm việc công là vì nghĩa, là để giúp đời.

TRÁNG SĨ

Làm việc thì thích như bậc tráng sĩ. Lúc hội ẩm ở Hồng Môn, đi với Bái Công đến trước Hạng Võ cùng bao nhiêu tướng tá họ múa gươm, Phàn Khoái không ngại gì mà cũng múa một cách mạnh mẽ. Hạng Võ khen là bậc Tráng sĩ. Tráng sĩ không sợ. - Bắt ngựa của vua Tần, Vua Tần không giận mà còn làm ơn. Trong lúc vua Tần bị khốn, bọn người núi liều chết ra đánh. Vua Tần khen là Tráng sĩ. Tráng sĩ không quên ơn. Nhiếp Chính giết kẻ địch cho người tri kỷ, giết xong không để cái mặt mình mà cầu danh. Tráng sĩ không vì danh. Chị Nhiếp Chính không tiếc mạng mình ra nhận em để cho danh em không mất.

Đó là chí tráng sĩ. - Đỗ Khắc Chung trước mặt Ô Mã Nhi gằm thét mà ung dung, không để nhục mệnh vua, tráng sĩ có gan. - Nguyễn Chế Nghĩa cười ngựa múa thương xông vào trận Mông Cổ như không biết chết, Hung Đạo Vương gọi là tráng sĩ: tráng sĩ anh hùng. Phạm Tử Nghi dẹp đuổi quân hung tàn để bệnh vực cho người yếu đuối, đến lúc phải chết để yên việc, Phạm Tử Nghi ung dung đem đầu đưa cho người ta: Tráng Sĩ hy sinh. Tráng sĩ gặp chuyện bất bình không bao giờ bỏ qua.

NHÂN NGHĨA

.....
.....
.....

Những sự tiến bộ về khoa học của thế kỷ thứ mười chín là một khoái chí cho các nhà bác học nhưng cũng là một cái "tha hồ" cho lòng dục vọng. Cái mộng bình lữ của thế kỷ thứ hai mươi lại nhân lòng dục vọng mà nảy ra. Lấy gì mà làm nguội những cơ điên đảo ghê gớm ấy.

Mặc Tử thấy người ta làm cái thang dăng thành, đến van xin bỏ đi, chỉ sợ kẻ yếu không nơi ẩn trú. Võ Hầu dùng địa lôi rồi cũng không muốn truyền lại sợ tai hại sinh linh. Đó là lòng nhân làm át được dục.

Đã đành rằng chống với sức khỏe thì phải dùng hết sức hết, tài, nhưng nếu không chừa một đường sống cho nhân loại, trên việc cạnh tranh, chỉ nghĩ một thời, một đời, thì không bao giờ khỏi vận đen tối cho đời nữa.

Vì thế mà Khổng Tử phải nói "nhân", Mạnh Tử lại nói thêm "nghĩa", Đạo của hai bậc thánh hiền chỉ "nhân, nghĩa" thế mà thôi.

"Nhân" là đạo người, tình nhân loại, tử tế, phúc đức; "Nghĩa" là phép thẳng, công bằng, tốt.

Nếu chỉ lấy cớ rằng hai ông ấy sinh ra từ bốn năm thế kỷ trước Cơ Đốc kỷ nguyên mà bảo rằng đạo của hai ông là cổ thì ra người bây giờ không phải là người nữa sao. Vẫn là người thì vẫn phải rõ đạo người, vẫn phải công bằng. Ấy chỉ vì nhân nghĩa người ta không trọng nữa mà mới đến tình thế này.

Người đời này chỉ biết mình mà không biết đến ngoài mình, chỉ biết chúng mình mà không biết đến ngoài chúng mình. Nguy ở đó.

Nho giáo với nhân nghĩa, là một hy vọng hòa bình cho đời.

Vậy chúng ta gắng gỏi hết sức vì nước ta, nhưng chúng ta, cũng nên hiểu rằng người ta có thể gắng gỏi được. Lòng trung hậu ấy làm cho đời thêm đẹp hơn vậy.

LÀM GÌ

Trai nhà Nam, gái nhà Nam, đã xét qua tất cả các nông nổi nói ở trên, muốn tìm một "đạo", một con đường làm người, làm người nước Nam, thì nên làm thế nào?

Hãy làm cho có phương pháp.

Xét hiện tình nước mình, hiện tình thiên hạ.

Ta ra đời với cái vốn nào: lịch sử, tổ tiên ta, tôn giáo ta, nhà ta, làng nước ta.

Ta sắp sẵn thân ta như thế nào?

Ta xét lại cái hiểu biết về sự vật, về đời như thế nào?

Xong các việc ấy ta định một chí cương quyết, nuôi cái chính khí cho chí mạnh vô cùng.

Rồi tìm việc mà làm, không lúc nào nhác cái mục đích tối cao, tối quan trọng của ta là làm cho tổ quốc mạnh mẽ, giống nòi phồn thịnh, tin rằng thế là cách dự một phần vào việc thiên hạ.

NUỚC TA CẦN GÌ?

Vì sao nhãng đã bao lâu, đạo đức đã suy. Suy nhưng vẫn còn nền, Trên cái nền ấy vẫn xây đắp được một cái nhà chắc chắn.

Một dân tộc sống hai đời phù hợp nhau. Đời tinh thần và đời vật chất. Nếu chỉ thiên vào vật chất thì tinh thần mòn mỏi, cái hại đã biết rồi. Tinh thần không đôn đốc cho vật chất, không được.

Ta hãy nghĩ đến mạnh tinh thần đã: Tinh thần của ta không thể nói là cũ hay mới. Đó là tinh thần chung của một dân tộc sống bốn nghìn năm rồi mà còn sống mãi mãi. Dân ta đã nói rằng có nhiều đức tốt và có cũng khá nhiều thói xấu. Giữ chặt lấy nền nếp luân lý vẫn có, bồi đắp hết sức cái đức tính tốt thì cái xấu cứ bực tức dần dần.

Muốn làm mạnh tinh thần cả nòi giống, ta hãy làm mạnh tinh thần một ta đã. Ta sửa mình ta như mài giũa một thanh gươm quý không thể chịu để bám gỉ vào, lại khắc khổ từng ly từng mảy, lại phải dúng vào nước lạnh,

dầu sôi cho già thép. Ta nhìn rõ, không để nhầm vì các sự yếu và mạnh, giàu và nghèo, cũ và mới, chính và tà. Ta là một phần cốt của nòi giống, ta tốt phần nào là nước ta hay phần ấy. Rồi thì dầu ta không đem mình ra làm kiểu mẫu, mà sức cảm hóa của đời vẫn mạnh, người khác cũng tốt lây. Trong một phố hay một làng có một người thiện đủ gọi lòng liêm sỉ của cả phố, cả làng, người tà bậy cũng phải khép nép.

Đến phần vật chất, tự lỗi ta mà ta thiếu thốn đủ đường. Dầu rằng kẻ chính nhân, người quân tử chẳng lấy ăn mặc làm nghĩ nhưng đối với những tâm hồn tầm thường thì ăn mặc vẫn giúp đỡ cho đức tính.

Than củi ta có lấm lấm mà vẫn phải mua dầu vào. Chè nhà ngon lại bán đi để mua chè nhạt vào. Có khi bọn tai quái lại lấy ngay của mình bán cho mình sau khi mặc vào một cái bao ngoại quốc. Bán da mọc vút đi để mua da thuộc từng cân về..... Đã chẳng làm được cái gì ra vẻ lại còn bọc những chứng phong lưu vào cho nó làm khổ mình. Làm được một vài thứ lại mỗi ngày ganh nhau làm bạc bẽo đi để thành ra một câu chua xót: "Đồ An Nam có ra gì? - Đồ lại chả tốt".

Đất đồng bằng ở đông quá rồi, có chỗ mỗi cây số vuông quá một ngàn tư người ở? Không làm thêm ra nữa thì khốn

Dùng sức khỏe của mình làm phu thì có luôn luôn, mà làm thợ chuyên nghệ thì ít quá. Mà cái khéo của người An Nam có phải là kém đâu. Từ khi hàng ngoài ít mua được nữa, thợ thuyền được chỗ dùng đã tỏ ra rằng có thể khá lắm được. Chỉ ít học, ít tập thôi.

Cái thiếu bây giờ là thiếu chuyên môn.

CHUYÊN MÔN

Thanh niên ta có gốc sẵn, có thể có chí mạnh được, hãy tìm tòi quanh mình, hãy xem xét khắp nước, tìm lấy một việc làm.

Mỗi người trong bọn ta phải thành một giá trị.

Người Việt Nam học tài lăm. Khi lấy một cái văn bằng làm mục đích, thì văn bằng ấy dù cao đến thế nào, cũng với được: Nói về tài học thì tài vô cùng; dù chí làm, tài làm đều là những chuyện khác: Học để lấy bằng có thể

làm được; đã hẳn không khó gì với một trí tuệ lại có sức lo giúp vào. Nhưng dám làm mà làm được thì còn mong ở chí khí mình đã.

Thế cho nên những văn bằng từ cao đến thấp... chúng ta thấy đã khá khá nhiều, còn những người đem học ra mà làm, hoặc làm mà được việc, vẫn thấy ít quá. Khi muốn tìm một người biết đến nơi đến chốn một vấn đề, một khoa học, hay kiếm một người để làm trọn một việc thì khó khăn quá lắm.

Cái cơ khó ấy là tại chỉ lấy văn bằng làm đích, được bằng là mãn nguyện rồi, không muốn tiến lên hẳn cõi biết, là cõi không có văn bằng nào làm chứng nữa, cho thế là phí công. Những văn bằng đủ kiếm chỗ để sinh nhai một cách tầm thường thì được, chớ có đủ để lập nghiệp đâu. Đem việc sinh nhai riêng làm giới hạn thì đi xa khó được.

Cái có khó nữa là tại thiếu chí để bền gan mà theo đuổi một việc, thiếu khí để nuôi sức hăng hái mà tiến mãi lên.

Nói rằng khó kiếm, chớ không phải là không kiếm ra được. Vẫn có, nhưng ít lắm.

Ở những nước người ta trọng sự thực, kỹ sư bậc nào khi vào đời cũng phải bắt đầu làm công việc của người thợ. Như thế các việc sáng chế không viễn vông, các việc thu xếp được đến nơi đến chốn. Lẽ ấy thế nào ta cũng phải theo. Nghề nào là nghề của ta.

Các sinh viên, các thợ bạn, thì nghề chuyên môn, đích là cái nghề mình đang học. Phải tập thể dục cho đủ sức khỏe, rồi để hết hơi hết sức vào việc học của mình. Học cái gì cần đến chỗ thật hiểu, thật biết, suy xét thí nghiệm xem cho rõ. Đừng học để đi thi, học để biết để dùng, thế rồi đến lúc thi vẫn được. Gần đến lúc thì mà ngón lấy ngón để thì cái trò "bạo nhập thì lại bạo xuất", thi xong là quên hết. Nên từ đầu năm bài nào học kỹ bài ấy, kỳ đến thật tiêu, ăn nhập vào óc mới thôi. Cái công nấu nung trong một tháng, đem chia ra cả năm thì vẫn nhẹ nhàng mà đỡ quên thói lười, thói đùn. Việc hôm nào làm ngay hôm ấy, đó là một thói quen cần có cho được. Chỗ không được rõ đến nơi thì hỏi thầy, bàn với bạn, tìm kiếm ở sách vở, chưa thấy chưa thôi. Trong các năm học thì: để cái đích mình cho cao, phải đến hạng "thầy nghề" mới tạm nghỉ. Đừng cho "gọi là đủ" đã là được. Thôi học rồi vẫn tìm, vẫn xem học mãi. Nhớ lời mình "Nhật Tân" của vua Thang.

Bức văn bằng chỉ đủ cho người tin. Phải đến chỗ mình có thể tin mình mới thôi, nghĩa là không bao giờ thôi.

Có nhiều người may. Ra đời làm ngay được cái nghề mà hợp với tài mình, ý thích mình. Cố nhiên là sung sướng. Tiền kiếm có thể ít đấy. Nhưng tiêu tiền ít hay nhiều chỉ là một chuyện quen thôi. Cái đó không ngại. Cốt là tâm vẫn được thư thái, biết được rằng việc mình có ích với đời. Chớ đứng núi này mà trông núi khác. Cố mãi, cố mãi cũng lại nhớ lời mình của Thang "nhật tân, nhật tân, hựu nhật tân". Vẫn phải đến chỗ "thầy nghề".

Cũng có người vì cảnh ngộ không được may mắn làm cái nghề mình thích. Nhưng nếu nghề ấy biết rằng nó có ích với nước, với đời, là được rồi. Trăm hay không bằng tay quen. Lúc ấy mình vận dụng hết cái sức của chí mình. Hết công hết sức làm mãi, học mãi, tìm mãi. Cái nghề ấy có thể là nghề chuyên môn của đời mình được, có thể làm đẹp cho đời mình, không phải ân hận rằng mình không giúp được nước, được đời.

Cũng có người gặp phải nghề không hợp với mình; nghề ấy nuôi sống được gia đình mình nhưng nó không có đủ đất để thi thố tài mình. Ấy thế thì đừng để cho nước cho đời khỏi thiệt thòi vì tài mình bỏ phí. Cái nghề mà ta thích, ta vẫn có thể theo đuổi ngoài việc thường của mình được. Người ta vì sinh nhai mà học nghề ấy phải hai ba năm thì ta theo đuổi trong năm năm, trong hơn nữa. Cái ngày sung sướng là ngày ta có thể vui rằng ta đã chữa được vận mà dù sao ta vẫn giúp ích được.

Chúng ta, hết thầy, phải thành những giá trị. Giá trị chúng ta tặng là giá trị nước chúng ta lên một bậc. Phương pháp giúp nước không phương pháp nào hơn phương pháp này. Không nói, không nổi nóng. Ta làm, làm cho đến được.

Dù làm việc gì cũng kỳ cho đến thật đẹp, thật xong, thật tốt.

CHỌN NGHỀ

Chọn nghề cốt nó hợp với tài mình, với ý thích của mình, cốt nó có ích với nước với đời. Còn như việc được nhiều tiền hay ít chỉ là chuyện phụ thôi.

Cần nhất là việc làm cho thực được, đồ làm cho thật kỹ. Ngoài cái thú thanh cao ngắm một công trình mà mình đã để hết tài trí của mình vào đó,

cái giàu có không phải đợi mà nó vẫn đến.

Phạm Ngũ Lão đan sọt bên cạnh đường. Sọt chắc mà bền, người ta ai cũng nhớ của. Đến lúc làm tướng vẫn cái chí làm cẩn thận ấy mà làm được việc đại tướng.

Trần Nguyên Hãn bán dầu. Dầu tốt mà đong đầy. Cả một vùng từ làng Góm đến Hoắc Sa ai cũng nhớ mua. Ra giúp Lê Thái Tổ, Nguyên Hãn vẫn cẩn thận, vẫn trung hậu mà nên được bậc khai quốc công thần.

Đương làm đại vương mà rồi phải bán than. Bên bến Bình Than anh hàng than được tiếng là than ròn và gánh nặng, đắt hàng. Vì cái Sự cố kinh ấy Trần Khánh Dư đánh một trận ở Cửa Vân Đồn làm cho Ô Mã Nhi táng đờm.

Đào Duy Từ đi chăn trâu. Chiều về gác roi lên sừng, ghé vào tràng học, cùng thầy đồ bàn nghĩa sách. Lũy Thầy bây giờ còn lại cái chí của người mục tử.

Người tráng sĩ chỉ sợ không đủ tài. Có tài thì ngại gì không có chỗ dùng. Ở đài các làm được việc đài các, nhưng ở bản tiện cũng vẫn làm được việc bản tiện. Không chê việc thiện nhỏ mà không làm, không lấy công việc hèn mà không cố sức. Chỗ khó là ở công việc tầm thường, vẫn giữ được phẩm cách của người quân tử, vẫn giữ được tiết tháo bậc đại trượng phu, vẫn cặm cụi làm cho phễu dầu mình rớt vẫn đầy tràn, cái sọt mình đan vẫn tròn trặn vững vàng.

Trần Bình làm thẳng mỗ chia phần vẫn cố làm cho thật công bằng, cái mầm ấy sau này mọc nên tài kinh bang tế thế.

Đã là có ích thì không nghề gì hèn. Một khi một người hiền làm thì nghề gì cũng thành cao quý. Đã làm thì không đồ gì có thể cầu thả được.

Vót cái tấm được tinh vi thì xây nhip cầu cũng kỹ càng.

MỘT VIỆC CẦN XÉT KỸ

Một việc can hệ nói kỹ lại: tìm vợ, tìm chồng.

Mang tiếng dở người, có người hỏi cẩn thận: vợ là gì?

Thế mà cũng phải hỏi vợ là gì?

Làm trai đi trên đường đời, đi phải có bạn. Ấy vợ là người bạn đường đầy. Con đường dài, chồng có việc chồng, vợ có việc vợ, có cùng làm thì việc mới đầy đủ.

Độc thân, kể ra thì làm việc tiện, nhưng việc ấy không thể lâu dài, không nhìn được xa, không hết được bản phận.

Vậy vợ là gì, là người nội trợ, to hơn nữa là nội tướng, là người bạn trăm năm cả đời, là hạnh phúc của một đời. Đó là đối với mình. Đối với gia đình là người hầu hạ cha mẹ mình, thay mình và cùng với mình, là người làm cho tôn đường nhà mình được nối dõi, là người mẹ của đàn con mình. Rộng lên nữa thì có quan hệ đến nòi giống mình, đến nước mình.

Thế cho nên chọn vợ là việc khó lắm.

Xưa kia cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Lắm người cho là đáng buồn cười. Nhưng nghĩ cho kỹ, thì trong một thời có giáo dục, cha mẹ đã từng trải đã hiểu rõ nhân tình, thế cố, kén chọn cho con giai con gái tất là đỡ nhảm. Cha mẹ để cho con chọn lấy là một việc khó cho con lắm.

Đang lúc khí huyết hăng, tất hay bằng ở sắc đẹp. Chọn một người vì sắc người ta, thì thật là khinh người ta quá lắm. Và lại sắc nào mà bền được. Người đàn bà ngày xưa có cái sắc "Một cười nghiêng thành người, lại cười nghiêng nước người" đã chẳng nói đấy ư. Đã lấy sắc thờ người, sắc kém thì không còn giữ được lòng yêu nữa.

Bằng ở đức thì kỹ càng hơn. Có đức thì giữ được trong sạch từ trước, giữ được phẩm cách về sau. Yêu vì đức thì yêu được mãi. Cửa nhà được êm đẹp, con cháu được nhờ. "Phúc đức tại mẫu" không phải chỉ là để đức lại cho con, còn là dạy được con, làm gương cho con nữa.

Cha mẹ hay để ý môn đương hộ đối. Hiểu hẹp là quá thực, song hiểu rộng ra là có lý. Không phải là con quan lại lấy con quan, ấy là nhà có học, có lẽ lại nên kén vợ, kén chồng ở nhà thi lễ. Hỏi những người có vợ rồi, thì biết cái nỗi buồn khi vợ mình nói những câu thô lỗ hay cư xử không hợp lối nhà mình. Lại phải nghĩ đến những người đàn bà tủi thân khi chồng mình có những cử chỉ phạm phu, mà không thấy ở cha mình. Con một nhà có liêm sỉ khi thấy người bạn "trăm năm" của mình không giữ được thanh cao thì khổ tâm dường nào.

Có gan mà hóa dần được thì may còn nói gì, không có thì đó là một đời âm thầm dài dài ghê sợ.

Lấy vợ, lấy chồng, gọi được bố mẹ người ta là bố mẹ, việc đó có một cái giá trị lớn, lúc bấy giờ hai nhà mới thật như một.

Gia đình thường vẫn là một cái bảo đảm gần chắc chắn cho mình. Không phải là trong chỗ tối tăm không có hoa hương lạ, nhưng vẫn ít có.

Trong lúc đời không có nhất định, cứ đợi hẵn ở bố mẹ cũng khó, vì những giá trị đã thay đổi nhiều rồi, người ta đã nhầm.

Việc kén chọn ta cứ từ từ là hơn. Đừng để cho cái mà ta gọi là "tiếng sét" đánh bấn mình. Cũng đừng để cho cái "tình say mê ngây ngất" của tiểu thuyết xô đẩy được mình. Mình phải xét kỹ, chớ để bọn ngã lòng, hay bại trận họ bảo rằng: "hôn nhân là một cuộc đánh số".

Kén được vợ hiền hay người chồng xứng đáng là một kỳ công, kỳ công mình có thể làm được. Phải tìm tòi là lẽ tự nhiên. Gặp một người hãy đứng xa. Lại gần thì mình hay quáng mắt và người hay hàng chợ; rồi sau ngày cưới, đã hỏi, đã nhìn thấy những chỗ nứt nẻ, rồi phải vá vúi, nói chắp đến khổ thân.

Hãy ở xa mà xem cách ăn ở của người ta. Cái tư tưởng "tự nhiên khi không có khán giả" của người ta, xem có thể hợp được với mình không, hay có thể hợp vào với tính mình mà làm một khối đầy đủ không? Cái mong ước cuộc đời sau này của người ta có thể là cuộc đời mong ước của mình không. Còn mình có thể gọi cha mẹ người ta là cha là mẹ không? Người ta có thể ở trong gia đình của cha mẹ mình không?

Cũng phải để ý đến sức khỏe nữa bởi vì người vợ của mình phải sinh con đẻ cái cho gia đình, cho chủng tộc mình. Mình mang bệnh tại mình hay gia truyền thì phải có cái gan chậm việc hôn nhân của mình lại chớ để một đứa con không mạnh, thật phải cố lắm mới giữ được hạnh phúc. Việc đó đáng sợ.

Đã chọn được người rồi phải cẩn trọng ở lễ cưới. Dù cưới theo lễ nào cũng phải cẩn trọng, vì đó là gốc của hạnh phúc, có thể vì đó mà không hay có lâu bền.

Nếu đã nhầm mà việc đã rồi, người bạn đường của mình không như ý mình mong mỏi thì vợ hay chồng đều phải có cái can đảm mình nhận với

mình cái làm ấy. Dù sao chồng mình hay vợ mình vẫn là người bạn cùng đường của mình, mình có thể tin ở lòng cố gắng của người bạn ấy. Mình nhận ngay một cách cả quyết và nhẫn nại làm cho gia đình mình phải có hạnh phúc. Lấy cái sức bền vững trong êm ái, lấy cái công ngày tháng trong tình yêu, chắc là có thể hóa được. Khi thành công rồi, vì đó là một cái thành công tốt đẹp, thì trước lo âu bao nhiêu, sau lại êm đẹp bấy nhiêu, khác gì cưới một người vợ hay một người chồng theo ý tưởng ao ước của mình, hưởng một cái hạnh phúc mà tay mình gây nên được.

Cái thú độc thân là cái thú nguy hiểm, không gia đình thì tuyệt vời giống mòn tổ quốc. Mà thú được bao lâu. Đến lúc bốn năm mươi tuổi, dưới gối không con, trong nhà không bạn, người độc thân bấy giờ mới biết đau khổ, đau không chữa được, hay chỉ chữa được bằng cách làm cho đau khổ hơn.

Người sống cô độc lúc ấy thành một quái vật. "Cây khô không lộc", người ấy sẽ khô khan, chán nản hay ác độc, vì trong đời đã không có một bàn tay êm ái buột những vết thương của đường đời, yên ủi lúc đau, khuyến khích lúc mệt, vì đã không được cảm bằng những nụ cười ngây thơ của con trẻ nó dạy mình yêu, nó dạy mình chữ "nhân", vì nhìn sau mình thấy một cái "không" vô hạn.

Cũng có một chỗ khá lo. Là sợ vợ sẽ ràng buộc, mình sẽ ít làm việc mát.

Vậy phải nhân lúc mới lấy nhau, cái lúc tâm tình mới đang mạnh mẽ, nói ngay rằng: "Anh yêu em vô cùng, rồi thì yêu đến công việc theo tôn chỉ của anh. Ngoài ra không còn có sức nào hơn nữa." Người đàn bà bao giờ cũng mau hiểu, cũng biết điều, cũng dễ châm chước, sẽ rõ ngay rằng cái việc tôn chỉ ấy là một việc lớn, mình có muốn cũng khó phá được. Thế rồi liệu thu xếp ngay, ỏn thỏa ngay.

Việc ấy không nên để chậm.

TRAI NƯỚC NAM

Bây giờ xin tả một bức truyền thần, bóng dáng một thanh niên nước Nam. Không phải là một người tưởng tượng. Đó là anh, là anh hay chị đang đọc tập này.

Người mạnh mà bạo. Đi thẳng không nghiêng không ngả. Rễ làn không khí mà tiến. Con mắt đăm đăm theo đuổi một mục đích. Cái vẻ cương quyết tỏ ra rằng sẽ đi cho đến cùng. Tay mạnh mà dẻo, chân cứng mà dai, ngực thở như thu cả khí mạnh của thiên nhiên làm khí mạnh của mình. Màu da kia không có vẻ tươi thắm đẹp mắt, nhưng đã dạn dày với gió sương.

Người ấy ở nhà, nuôi hạnh phúc cho gia đình, cha mẹ sung sướng được con ấy, anh em, chị em vui vẻ được em ấy, anh ấy, gia tộc hy vọng vào người ấy.

Đi làm ai cũng tin cậy được, đã nói ai cũng tin, đã hẹn chắc là đúng, đã nhận việc thế nào cũng xong. Vẫn tươi tỉnh mà không pha trò, yêu quý mọi người, nhưng trêu vào thì phải biết.

Bạn bè có một bọn. Đi chơi với nhau thì đến những chỗ núi cao bề rộng, giăng cứu cùng nhau lữ hưng, lữ vong; ăn uống tay làm lầy, công việc không nhờ ai, mỗi khi thắng được mình trong một lúc khó khăn, vượt được một sự nguy hiểm, trong khi người kêu là khổ thì họ bảo là thích.

Nước sẽ mạnh, đời sẽ đẹp vì có những thanh niên như thế.

LỜI BẠT

Nhà văn hoá lớn Hoàng Đạo Thuý cả đời là một con người của tư tưởng và hành động. Hành động và tư tưởng Hoàng Đạo Thuý gắn bó là một và mỗi giai đoạn lại thể hiện thành những trước tác. Thật đầy đủ và toàn diện lý lịch của một tài năng.

Hoàng Đạo Thuý chỉ ghi có mấy dòng trong sổ tay về cả đời mình, nhưng đó là niềm tin yêu của một con người tôn trọng đơn giản đến độ như

xoá mình đi trước những vấn đề lớn mình nêu ra, là phương châm của nhà văn hoá và nhà hành động Hoàng Đạo Thuý.

"Dạy học 28 năm. Làm hướng đạo 15 năm. Vào bộ đội gần 20 năm. Từ 1964, vào một đoạn mới: đoạn viết".

"Không dám có ý làm "nhà văn", không nghĩ đến nghệ thuật "văn". Chỉ dùng văn để làm cái nhiệm vụ của cả đời làm, là khuyến khích lòng yêu nước".

Tôi xin dẫn giải trình tự thế này:

Trong đời dạy học, Hoàng Đạo Thuý đã viết những tác phẩm: Nghệ thầy; Trò chơi rèn luyện; Công dân giáo dục...

Ở thời kỳ là huynh trưởng hướng đạo sinh, Hoàng Đạo Thuý đã viết: *Đội của tôi, Hướng đạo sinh...*

Tham gia phong trào truyền bá quốc ngữ mà Hoàng Đạo Thuý là một thành viên tích cực, Hoàng Đạo Thuý viết: *Bác Hai Bền và Bác Tư Bốn* - những quyển sách được coi như sách vỡ lòng của các lớp học viên vừa thoát nạn mù chữ.

Khi vào cách mạng, những năm đầu, ở mỗi việc Hoàng Đạo Thuý đều viết nên những quyển sách chẳng khác nhật ký về những công tác ấy. Làm tổng thư ký Ủy ban Vận động thi đua Ái Quốc Trung ương, ông viết: *Thi đua Ái quốc* và quyển *Cán bộ thi đua*.

Một người mang hoài bão lớn như Hoàng Đạo Thuý, ông giác ngộ cách mạng và trong những ngày sôi sục Tổng Khởi nghĩa, đã bí mật: lên chiến khu và đã có mặt trong Quốc Dân Đại Hội do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì ở Tân Trào, trên Việt Bắc.

Rồi ông bước vào một hoạt động khẩn trương nhất của cách mạng lúc ấy, gia nhập Vệ quốc đoàn, phụ trách công tác thông tin liên lạc toàn quân từ những ngày trúng nước trong ngành chuyên môn quan trọng này của quân đội. Cũng như ở mọi công tác, việc viết lúc nào cũng là một thôi thúc đối với ông, chỉ khi viết được ra mới là xong nhiệm vụ. Hoàng Đạo Thuý đã viết: *Thông tin liên lạc và những tập truyện ngắn có tính giáo dục Báo cáo liên lạc vững, truyện Vượt suối băng rừng bảo vệ đường dây...*

1964, Hoàng Đạo Thuý cho là đời mình đã vào một đoạn mới: đoạn viết. Tôi đã được dịp đến thăm nhà ông khi ông ở đoạn viết" ấy. Làng Đại Yên - làng có nghề lâu đời trồng và hái lá thuốc nam bán các chợ trong thành phố. Một nếp nhà tranh tre bé nhỏ rồi mấy năm sau, đơn vị bộ đội đã xây tường và lợp mái ngói. Trước thềm, cái hoả lò và bày bên là giá gạo và mớ rau. Mỗi bữa, ông tự thổi nấu. Ông lo lấy bếp núc. Ông không muốn khiến con cháu hầu hạ. Cũng không phải may mắn ông ở ẩn, mà đây là giữa đời thường, vẫn như thuở hương đạo sinh đi cắm trại, mọi việc nhất nhất đều tự tay làm như ngày trước mà tôi đã từng làm tráng sinh trong tráng đoàn Tây Sơn của đoàn trưởng Lê Vĩnh Tuy, đã được cùng các huynh trưởng đi cắm trại ở Bãi Sậy, ở vườn đền Lý Bát Đế, ở "cót" 400 trên núi Tam Đảo. Vẫn như ngày trước, cách xử sự, mọi sinh hoạt và một tấm lòng. Tôi xin ghi lại câu của vị lão trượng cực kỳ mình mãi đã viết trong lời đề tặng cho tôi ở quyển **Đất nước ta**.

"Từ những ngày Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, tôi đã rõ anh là vào loại "tri" với văn của tôi. Các "nhà" văn bây giờ ít để ý đến ý văn của tiếng, nét nhạc của lời, lại chúc nhiều tiếng ngoài quá, nên không thể vừa tai với lối viết nô nã của một anh đáng lẽ đi rồi, mà đi không dứt. Được anh hiểu, thì chắc chắn đồng bào cũng hiểu cái lòng của tôi, là mong sao đồng bào giữ lấy truyền thống đất nước này. Thế thôi mà(1/4/1990).

Ở giai đoạn viết này Hoàng Đạo Thuý đã như tự nhiên và tất nhiên trở thành nhà Hà Nội học. Nhà Hà Nội học bẩm sinh. Những tác phẩm về phố phường Hà Nội viết theo trí nhớ và sự suy nghĩ của mình. *Thăng Long, Hà Nội. Hà Nội phố phường xưa*. Không bao giờ ai có thể cứ nhả nha và tỉ mỉ đến như thế về phố hàng Gai và các ngõ ngách đầu phố cuối phố - bởi đây là nơi ông đã ra đời và cả tuổi ấu thơ ở đường phố ấy.

Nhưng công phu hơn cả, một công trình đáng lẽ là việc của một tập thể mới làm nổi, mà một mình Hoàng Đạo Thuý đã cáng đáng đảm đương đến chữ sau cùng. Đó là tác phẩm **Đi thăm đất nước**. **Đi thăm đất nước** là một tập sách biên niên, là một dư địa chí về tất cả các tỉnh, từ mũi Cà Mau nô ra biển Đông lên đến Cao nguyên Đồng Văn tỉnh Hà Giang trên biên giới phía Bắc. Ở mỗi địa phương, người đọc có thể tra cứu được dân số, dân tộc, thổ cư, thổ ngơi, phong tục tập quán, đường xá, sông ngòi, di tích lịch sử và cách mạng. Đó là bộ *Kiến văn tiểu lục* của nhà bác học Lê Quý Đôn thời nay.

Rồi khi đất nước đã giải phóng, nhà văn hoá lão thành Hoàng Đạo Thuý lại cất công vào miền Nam, đi nhiều nơi, từ Trà Vinh lên miền Đông, như kiểm tra lại những thay đổi đã mấy chục năm xa cách rồi trở về cặm cụi viết lại bộ sách trên 700 trang khổ lớn và cũng: đặt lại một cái tên thật khoáng đạt và thân thương: ***Đất nước ta***.

Trong dịp in ***Trai nước Nam làm gì?*** lần này tôi đã không bàn nhiều về tác phẩm tâm huyết mà Hoàng Đạo Thuý đã viết ra khi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai vừa bùng nổ. Trước và sau ***Trai nước Nam làm gì?***, những hoạt động của Hoàng Đạo Thuý và những tác phẩm ***Sát Thát, Kế chuyện Lam Sơn, (Ông cha ta đánh giặc thế nào*** đã xây dựng nên hình ảnh và tư tưởng tác phẩm chính yếu này rồi. Chỉ nhắc lại một điều rằng ***Trai nước Nam làm gì?*** đã được ra đời ở thời đất nước còn trong vòng nô lệ, mà lại để in công khai, vậy phải viết thế nào cho lọt mắt các nhà cầm quyền, thế mà cũng đã bị kiểm duyệt Pháp xoá bỏ nhiều đoạn (đến bây giờ cũng không bổ sung lại được). Trước khi bước vào hoạt động cách mạng, đây là lời lẽ của chí hướng một chiến sĩ đã được giải bày.

Trai nước Nam làm gì? Vẫn như phong độ riêng của nhà văn hoá Hoàng Đạo Thuý, công cuộc cả đời nghề thầy dạy con người nên người, trong tình hình nước sôi lửa bỏng thời kỳ ấy, câu hỏi trên đầu trang sách chính là Hoàng Đạo Thuý đã thổ lộ gửi gắm, một nhấn nhủ, một điều bắt người đọc thức thời phải trả lời: ***Anh...tôi biết rằng tôi có thể nói thẳng thắn với anh***.

TÔ HOÀI

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

1929 - 1930 Hướng đạo sinh

1930 - 1944 Viết cho các báo: Câu Ấm, Cô Chiêu, Trẻ em, Thằng tiến, Tráng Sĩ, Hướng Đạo Thằng Tiến, Hoa Xuân... Sáng lập kiêm chủ bút chữ Pháp Pour le Cepfi

1938 - 1941 Gan tráng sĩ, Vua Bà, Bác Hai Bền, Thầy cai "Tờ - Lãng - Dit", Bác Tư Bôn, Cắm trại, Đội của tôi, Hướng đạo bước đường đầu.

1942 - 1943 Trai nước Nam làm gì?, Nghề thầy

- 1948 - 1949 Thi đua ái quốc, Cán bộ thi đua, Thông tin liên lạc, Công dân giáo dục
- 1956 - 1959 Sát thát, kể chuyện Lam Sơn, Ông cha ta đánh giặc như thế nào?
- 1960 Báo cáo: Liên lạc vững
- 1962 Vượt suối băng ngàn, bảo vệ đường dây.
- 1967 Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội
- 1974 Hà Nội - Phố phường xưa, Trò chơi, Đi trại
- 1975 Trò chơi rèn luyện
- 1978 Đi thăm đất nước.
- 1979 Đường lên hạnh phúc.
- 1982 Người và cảnh Hà Nội
- 1989 Đất nước ta.

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ
Nhà xuất bản Lao Động

Biên tập: Mai Hạnh - Hoàng Đạo Chúc